VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1456/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW

ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 1574/QĐ-TTg ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 2215/BC-HĐTĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh về Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại Tờ trình số 161/TTr-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 7591/BKHĐT-QLQH ngày 15 tháng 9 năm 2023 về việc tổng hợp ý kiến rà soát đối với hồ sơ Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu như sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

Phạm vi ranh giới Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi có diện tích tự nhiên 5.155,24 km^2, bao gồm toàn bộ phần lãnh thổ đất liền và phần không gian biển được xác định theo Luật biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam, phía Nam giáp tỉnh Bình Định, phía Tây giáp tỉnh Kon Tum và tỉnh Gia Lai, phía Đông giáp biển Đông.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ CÁC ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

- Định hướng phát triển của tỉnh Quảng Ngãi phù hợp, đồng bộ với định hướng, tầm nhìn phát triển của đất nước, tinh thần Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần

thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, các chiến lược quốc gia, các quy hoạch cấp quốc gia, Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XX.

- Phát huy lợi thế đặc điểm, vai trò, vị trí địa lý để tổ chức, bố trí không gian phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội phù hợp theo định hướng phát triển hạ tầng quốc gia, liên kết vùng và liên kết thị trường, phát huy kinh tế biển xanh, kinh tế rừng xanh, nông nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao.

- Đổi mới mạnh mẽ tư duy, hành động, tận dụng triệt để các tiềm năng và nguồn lực để tạo động lực phát triển. Tiếp tục phát triển nhanh dựa trên cơ sở tập trung phát triển các ngành, lĩnh vực đang có sẵn lợi thế; đồng thời, phân bổ tối đa nguồn lực hỗ trợ phát triển các ngành, lĩnh vực phù hợp với xu thế phát triển xanh và bền vững; tiếp tục đẩy mạnh, tăng cường hình thành các mối liên kết trong phát triển với các địa phương khác trong vùng và các khu vực lân cận, chủ động tham gia mạnh mẽ vào quá trình hội nhập quốc tế.

- Tập trung đầu tư đồng bộ, hiện đại, hiệu quả kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng liên thông, có khả năng lan tỏa lợi ích lớn và phục vụ đa mục tiêu phát triển.

- Phát triển hài hòa ba yếu tố kinh tế - xã hội - môi trường; không đánh đổi sự phát triển trước mắt với rủi ro về môi trường; chủ động trong công tác ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

- Phát triển kinh tế gắn kết chặt chẽ với công tác đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống của mọi tầng lớp xã hội; khơi dậy tiềm năng để tạo đột phá trong phát triển lĩnh vực dịch vụ, đặc biệt là du lịch theo hướng bền vững và trải nghiệm cao cấp.

- Phát triển đa dạng các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp, coi doanh nghiệp và con người là trung tâm và động lực chính của sự phát triển; đầu tư, phát triển giáo dục và đào tạo là nền tảng góp phần quan trọng trong việc nâng cao và đảm bảo chất lượng lao động cho nhu cầu phát triển bền vững, lâu dài.

- Tập trung phát triển kinh tế số, xã hội số một cách tổng thể, toàn diện. Phát triển kinh tế số trở thành động lực cốt lõi của tăng trưởng kinh tế, gắn kết chặt chẽ với chính quyền số, xã hội số, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh và đóng góp chung vào sự phát triển của đất nước.

- Nâng cao chất lượng tăng trưởng, chú trọng vào năng suất kinh tế thay vì năng suất sản phẩm. Nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế dựa trên cơ sở cải thiện môi trường đầu tư, đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học - công nghệ,

đẩy mạnh chuyển đổi số, qua đó tăng cường khả năng chủ động tiếp cận, tận dụng cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 làm động lực phát triển.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với đảm bảo công tác quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội; chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế, ứng phó với các tác động tiêu cực từ tình hình an ninh trật tự trên thế giới và khu vực.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Quảng Ngãi phấn đấu là tỉnh phát triển khá của cả nước, có thu nhập bình quân đầu người ít nhất bằng mức bình quân của cả nước. Nâng cao tính tự chủ và khả năng thích ứng với những biến động của nền kinh tế. Tập trung phát triển kinh tế số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn. Từng bước hình thành công nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao tại các khu công nghiệp và cụm công nghiệp tập trung. Xây dựng được thương hiệu về các loại hình dịch vụ chất lượng cao, với điểm nhấn là du lịch. Nhân rộng mô hình nông nghiệp áp dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn. Phát triển và hoàn thiện hạ tầng phục vụ phát triển các đô thị xanh, đô thị thông minh. Phấn đấu đạt được các chỉ tiêu về xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao. Hình thành Trung tâm lọc, hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất và phát triển huyện đảo Lý Sơn trở thành Trung tâm du lịch biển - đảo.

b) Mục tiêu cụ thể

- Về kinh tế

+ Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân thời kỳ 2021 - 2030 đạt 7,25 - 8,25%/năm. Trong đó: tốc độ tăng trưởng của khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 4 - 5%/năm; tốc độ tăng trưởng của khu vực Công nghiệp đạt 8,25 - 9,25%/năm; tốc độ tăng trưởng của khu vực Dịch vụ đạt 10,0 - 11,0%/năm.

+ GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 7.700 - 7.900 USD.

+ Cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP: Nông, lâm nghiệp và thủy sản khoảng 15 - 16%; Công nghiệp - Xây dựng khoảng 36,5 - 37,5%; Dịch vụ khoảng 35,5 - 36,5%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm: khoảng 10 - 11%.

+ Phấn đấu tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 50%.

+ Tổng vốn đầu tư toàn xã hội cho thời kỳ 2021 - 2030 khoảng 410.000 tỷ đồng.

+ Năng suất lao động tăng trưởng bình quân thời kỳ 2021 - 2030 là 6,5 - 7,5%/năm.

- Về xã hội

+ Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ 0,9 - 1%, tỷ lệ tăng dân số cơ học bình quân hàng năm khoảng 0,5 - 1%.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030 đạt trên 75%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%.

+ Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia tối thiểu là: Mầm non: 80,0%; Tiểu học: 89,0%; Trung học cơ sở: 90,1%; Tiểu học - Trung học cơ sở: 38,5%; Trung học phổ thông: 78,9%.

+ Đạt trên 32 giường bệnh/10.000 dân và trên 11 bác sỹ/10.000 dân. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95% dân số.

+ Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều toàn tỉnh giảm bình quân 1 - 1,5%/năm (giai đoạn 2021 - 2025) và 0,5 - 1%/năm (giai đoạn 2026 - 2030).

+ Chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì thuộc nhóm có chỉ số HDI cao (nhóm 2) theo phân loại của UNDP.

+ Xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững và gắn với đô thị hóa; phấn đấu có trên 90% xã đạt chuẩn nông thôn mới, trên 50% xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Về kết cấu hạ tầng

+ Hạ tầng đầu tư phát triển cơ bản theo hướng đồng bộ, hiện đại. Hạ tầng giao thông vận tải thông suốt, an toàn; điện đảm bảo tốt nhu cầu sản xuất và sinh hoạt; nguồn nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt được đảm bảo; hệ thống đê điều, hồ đập an toàn; hạ tầng xã hội đáp ứng nhu cầu phát triển.

- Về bảo vệ môi trường

+ Tỷ lệ độ che phủ rừng ổn định ở mức 52%.

+ Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch khu vực thành thị 100% và nông thôn trên 80%.

+ Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định đạt 98%; Tỷ lệ chất thải y tế được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định đạt 100%.

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định: tại các đô thị đạt 95%, tại khu vực nông thôn đạt 90%.

+ Tỷ lệ khu công nghiệp, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường đạt 100%. Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom và xử lý bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định đạt 50% đối với đô thị loại II và 20% đối với các đô thị còn lại; đối với khu vực nông thôn khoảng 25% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt.

- Về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội

Thực hiện tốt nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, đảm bảo cuộc sống bình yên, hạnh phúc của Nhân dân.

Hằng năm, có khoảng 95% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn vững mạnh về quốc phòng, trong đó: có 65 - 70% xã, phường, thị trấn vững mạnh toàn diện. Hằng năm, có ít nhất 80% khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn về "An toàn về an ninh trật tự".

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Quảng Ngãi phấn đấu duy trì là một tỉnh phát triển khá của cả nước, là địa phương phát triển xanh, bền vững và đa dạng; cơ cấu nền kinh tế hài hòa, hợp lý với tính tự chủ và năng lực cạnh tranh cao. Phấn đấu trở thành trung tâm công nghiệp, điểm đến du lịch nổi bật và là đầu mối kết nối kinh tế với khu vực Tây Nguyên và khu vực duyên hải miền Trung. Hình thành và phát huy được sức lan tỏa của mạng lưới hệ thống phát triển khoa học và các cộng đồng nghiên cứu khoa học trên địa bàn tỉnh. Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa, trở thành điểm nhấn trong phát triển du lịch của tỉnh. Chú trọng, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân, an sinh xã hội; đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm và khâu đột phá của tỉnh

- Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội, tạo động lực cho phát triển (ưu tiên các công trình trọng điểm về giao thông; thích ứng với biến đổi khí hậu; hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số).

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đẩy mạnh phát triển công nghiệp, phân bổ nguồn lực thu được từ công nghiệp hỗ trợ phát triển các lĩnh vực phù hợp hơn với xu thế phát triển của tương lai.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao với trọng tâm là đội ngũ cán bộ khoa học. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số vào mọi lĩnh vực của nền kinh tế, khuyến khích tinh thần đổi mới sáng tạo, khát vọng vươn lên.

- Phát triển đô thị là trụ cột gắn với công nghiệp và kinh tế biển tạo động lực phát triển trong thời kỳ Quy hoạch.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng của tỉnh

a) Ngành công nghiệp

- Tiếp tục khai thác những thế mạnh, tiềm năng sẵn có về các lĩnh vực công nghiệp nền tảng (với chủ lực là lọc hóa dầu, hóa chất, luyện kim và chế tạo cơ khí) và thúc đẩy phát triển các lĩnh vực này theo chiều sâu, thân thiện với môi trường và mở rộng theo chuỗi giá trị. Đồng thời, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu các ngành

công nghiệp theo hướng xanh có sức cạnh tranh cao, tạo bước đột phá để nâng cao năng suất, tăng nhanh tỷ trọng đóng góp của công nghiệp chế biến, chế tạo có giá trị gia tăng lớn. Trong đó:

+ Phát triển ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với quy mô hợp lý, đa dạng hóa các ngành công nghiệp, nhất là công nghiệp hỗ trợ.

+ Phát triển công nghiệp sản xuất điện thân thiện với môi trường và các ngành công nghiệp gắn với kinh tế biển.

- Tiếp tục chú trọng đầu tư hoàn thiện và phát triển cơ sở hạ tầng các khu vực công nghiệp quan trọng, đặc biệt là Khu kinh tế Dung Quất. Chủ động thúc đẩy mối liên kết giữa Khu kinh tế Dung Quất với Khu kinh tế mở Chu Lai để hình thành Trung tâm công nghiệp ven biển trọng điểm của khu vực duyên hải Trung Bộ và cả nước. Hình thành Trung tâm lọc, hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất.

b) Ngành nông nghiệp

Phát triển nông nghiệp chất lượng, giá trị, bền vững theo hướng tập trung hóa, hiện đại hóa, hướng tới nền nông nghiệp xanh, bảo vệ môi trường, tổ chức tái cơ cấu ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng của lâm nghiệp và thủy sản. Hình thành các khu nông nghiệp công nghệ cao, khu chăn nuôi tập trung, trang trại trồng trọt, vùng nuôi trồng thủy sản, vùng chuyên canh nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp theo hướng kinh tế tuần hoàn, vùng sản xuất hàng hóa tập trung dựa trên lợi thế các vùng, địa phương trong tỉnh, tăng cường ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số gắn với chế biến, tiêu thụ theo chuỗi giá trị, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và chủ động hội nhập quốc tế.

c) Ngành thương mại - dịch vụ

- Phấn đấu phát triển du lịch thành một ngành kinh tế quan trọng, với hạt nhân Trung tâm du lịch biển - đảo Lý Sơn và du lịch trải nghiệm gắn liền với văn hóa, lịch sử và giá trị cốt lõi của Quảng Ngãi. Phát triển đa dạng các loại hình, sản phẩm du lịch như du lịch biển, đảo, núi rừng, du lịch cộng đồng, du lịch chăm sóc sức khỏe, du lịch văn hóa, tâm linh theo hướng bền vững, chất lượng cao, đẳng cấp, có giá trị gia tăng lớn; thúc đẩy du lịch thông minh gắn với định hướng chuyển đổi số trong ngành du lịch và trong các định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đầu tư phát triển hệ thống logistics theo hướng đồng bộ, hiện đại, thuận tiện, phát triển Quảng Ngãi thành trung tâm logistics trung chuyển vận tải đa phương

thức kết nối khu vực miền Trung, khu vực Tây Nguyên, các nước Đông Nam Á, cũng như là một cửa ngõ vận tải hàng hóa qua biển Đông.

- Phát triển thương mại theo hướng đổi mới sáng tạo, số hóa, công nghệ hóa phương thức kinh doanh; thu hút đầu tư các trung tâm dịch vụ tổng hợp, siêu thị, trung tâm thương mại và chợ tại các vùng đô thị và ven biển có khu du lịch phát triển; tiếp tục nâng cao chất lượng, đa dạng hóa các hình thức bán buôn và bán lẻ phù hợp với nhu cầu sử dụng của từng địa phương.

2. Phương hướng phát triển các ngành khác

a) Văn hóa, thể thao

- Xây dựng và phát triển văn hóa thể thao hướng đến mục tiêu con người Quảng Ngãi phát triển toàn diện, hướng đến chân, thiện, mỹ; văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần, là động lực cho sự phát triển của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững của tỉnh. Xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ngãi gắn với phát triển đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở, đồng thời bảo tồn, gìn giữ, phát huy các giá trị truyền thống, các di sản văn hóa phi vật thể quốc gia và các di sản văn hóa tiêu biểu.

- Phát triển thể dục, thể thao để nâng cao thể lực và tầm vóc con người Quảng Ngãi, phát triển phong trào thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao ở những môn có thế mạnh để nâng cao vị thế và thành tích của tỉnh.

b) Giáo dục và đào tạo

- Phát triển hệ thống giáo dục và đào tạo hiện đại, đảm bảo chất lượng, hiệu quả và tính phổ cập, phương thức giáo dục đổi mới đảm bảo được nguồn nhân lực theo nhu cầu phát triển của địa phương. Huy động mọi nguồn lực, đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo, hình thành một hệ thống giáo dục và đào tạo công, tư toàn diện. Ưu tiên đầu tư cho giáo dục phổ cập, giáo dục ở những vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, vùng bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu và các đối tượng chính sách xã hội.

- Thực hiện tốt công tác phân luồng, hướng nghiệp, giáo dục kỹ năng; bố trí hợp lý và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, đội ngũ giáo viên, giảng viên; thực hiện hiệu quả các chính sách đào tạo và thu hút nguồn nhân lực.

c) Y tế và chăm sóc sức khỏe

- Hoàn thiện hệ thống y tế và mạng lưới khám, chữa bệnh theo hướng hiện đại, công bằng, hiệu quả; đảm bảo tính hệ thống và liên tục trong hoạt động chuyên môn của từng tuyến và giữa các tuyến, phát triển cân đối hợp lý giữa các bệnh viện đa khoa và chuyên khoa, phát triển y tế phổ cập kết hợp y tế chuyên sâu, giữa y học hiện đại với y học cổ truyền, dự phòng và điều trị, giữa y tế công và tư nhằm

đáp ứng tốt các nhiệm vụ cung cấp dịch vụ trong chăm sóc, bảo vệ sức khỏe Nhân dân trên địa bàn tỉnh và khu vực lân cận. Khuyến khích xây dựng, hình thành dịch vụ chăm sóc sức khỏe, chữa bệnh, nghỉ dưỡng cao cấp. Tiếp tục bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ y tế, bác sỹ.

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành các chính sách thu hút nhân lực y tế chất lượng cao. Đa dạng hóa hình thức đầu tư, thu hút xã hội hóa trong lĩnh vực y tế, nhất là phát triển y tế chất lượng cao.

d) An sinh xã hội

- Phát triển an sinh xã hội phù hợp với nhu cầu trợ giúp của các nhóm đối tượng bảo trợ xã hội và điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ của các cơ sở trợ giúp xã hội, hướng tới mục tiêu phát triển xã hội công bằng, hiệu quả.

- Tiếp tục thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, thực hiện tốt, kịp thời các chế độ cho người có công và các đối tượng bảo trợ xã hội. Huy động tối đa nguồn lực nhà nước cũng như đẩy mạnh huy động nguồn lực xã hội từ các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp để hỗ trợ chăm sóc, đầu tư cơ sở hạ tầng trợ giúp xã hội. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh.

đ) Khoa học và công nghệ

Quan tâm đầu tư xây dựng, phát triển tiềm lực khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo để từng bước đưa khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành động lực chính của sự tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh; đầu tư xây dựng, phát triển tiềm lực khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh đồng bộ cả nguồn nhân lực và cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu, phát triển chuyển giao công nghệ.

e) Quốc phòng, an ninh

Kết hợp chặt chẽ đảm bảo quốc phòng - an ninh với phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện hiệu quả chiến lược bảo vệ Tổ quốc, chiến lược đảm bảo an ninh quốc gia trong tình hình mới. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, thế trận lòng dân vững chắc. Đẩy mạnh đấu tranh trấn áp các loại tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, hoạt động liên tỉnh, xuyên quốc gia, tội phạm sử dụng công nghệ cao, các băng nhóm tội phạm ma túy; chủ động phòng ngừa, ngăn chặn, không để gia tăng tội phạm và giảm tệ nạn xã hội; thực hiện đồng bộ các giải pháp kiềm chế, giảm thiểu tai nạn giao thông trên cả ba tiêu chí.

3. Lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội và phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

a) Phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội

Phát triển tỉnh Quảng Ngãi theo 06 vùng không gian kinh tế động lực với định hướng phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội theo đặc trưng cho từng vùng để đảm bảo sự phát triển cân bằng và thúc đẩy liên kết giữa các vùng, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, cụ thể:

- Vùng kinh tế động lực Cụm đô thị và Trung tâm dịch vụ, bao gồm: thành phố Quảng Ngãi và một phần các huyện Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành; trong đó, thành phố Quảng Ngãi đóng vai trò thủ phủ của tỉnh, trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, thương mại dịch vụ đô thị, trung tâm nghiên cứu, đào tạo và phát triển nghề nghiệp cho toàn tỉnh.

- Vùng động lực công nghiệp của tỉnh, bao gồm: huyện Bình Sơn (Khu kinh tế Dung Quất) và một phần huyện Trà Bồng, huyện Sơn Tịnh; đây là khu vực trọng điểm công nghiệp và dịch vụ hậu cần, định hướng phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp với các ngành công nghiệp lọc hóa dầu, luyện thép, chế tạo sau thép, năng lượng tái tạo, công nghiệp đóng tàu, công nghiệp chế biến gỗ, các ngành công nghiệp hỗ trợ... và dịch vụ logistics, dịch vụ hậu cần cảng biển gắn với cảng nước sâu Dung Quất, Cảng hàng không quốc tế Chu Lai, định hướng lâu dài phát triển cảng trung chuyển, giao thương hàng hóa quốc tế.

- Vùng kinh tế sinh thái biển, bao gồm: thị xã Đức Phổ và huyện Mộ Đức; phát triển khu vực trở thành trung tâm đầu mối kinh tế sinh thái biển Quảng Ngãi, với trung tâm là thị xã Đức Phổ, hình thành trung tâm hậu cần nghề cá của khu vực, gắn với công nghiệp hậu cần nghề cá, trung tâm đầu mối, giao thương thủy sản hình thành chuỗi giá trị ngành hàng, trung tâm xúc tiến, trung tâm hỗ trợ công nghệ đánh bắt và nuôi trồng xa bờ, truy xuất nguồn gốc, ứng dụng công nghệ cao hướng tới khai thác bền vững.

- Vùng kinh tế rừng xanh, bao gồm các huyện: Trà Bồng, Sơn Tây, Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ; hình thành các trung tâm kinh tế miền cao, vùng trồng dược liệu, trồng chè, trồng rừng cây gỗ lớn, phát triển rừng trồng sản xuất, cây lâm sản ngoài gỗ, các trung tâm chế biến lâm sản, phát triển kinh tế rừng gắn với phát triển du lịch - văn hóa địa phương, hướng tới đột phá kinh tế rừng cho Quảng Ngãi.

- Vùng kinh tế nông nghiệp, bao gồm: các khu vực có địa hình tương đối bằng phẳng thuận lợi phát triển nông nghiệp xen giữa các khu vực đồi núi thuộc địa giới hành chính của các huyện: Nghĩa Hành, Mộ Đức, một phần huyện Sơn Tịnh, Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ; giảm thâm dụng tài nguyên và bảo tồn đa dạng sinh học, hình thành các hành lang kinh tế hỗn hợp - tuần hoàn, các vùng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, các vùng chuyên canh sản xuất nông - lâm sản.

- Vùng kinh tế biển đảo, bao gồm: Đảo Lý Sơn "Ngọc lớn - Ngọc bé" của Biển Đông, với định hướng vai trò là tiền phương của ngành du lịch biển đảo, khu vực này sẽ phát triển trở thành một đô thị du lịch cao cấp gắn với các hoạt động tham quan nghỉ dưỡng biển, du lịch trải nghiệm các lễ hội truyền thống, tập trung phát triển các sản phẩm đặc sản địa phương (hành, tỏi...), bảo tồn và phát huy các làng chài.

b) Các hành lang kinh tế chiến lược

- Hành lang kinh tế Bắc Nam (Dung Quất - thành phố Quảng Ngãi - Sa Huỳnh): là một bộ phận của hành lang kinh tế Bắc - Nam của quốc gia. Đây là hành lang kinh tế chủ đạo của tỉnh với chức năng liên kết các trung tâm kinh tế đô thị và dịch vụ hành chính, gắn kết các huyện đồng bằng ven biển; xây dựng phương án, bố trí không gian phát triển các đô thị, khu công nghiệp, trung tâm logistics gắn với hành lang này.

- Hành lang Đông Tây phía Bắc (Lý Sơn - Dung Quất - Trà Bồng - Trà My dọc quốc lộ 24C, mở rộng kết nối Trà My và cửa khẩu Nam Giang): là hành lang liên kết quốc tế, đối ngoại kết nối Khu kinh tế Dung Quất với các huyện phía Tây Quảng Nam, Quảng Ngãi và Nam Lào, Đông Bắc Campuchia, Thái Lan, tiềm năng trở thành một hành lang kinh tế vận chuyển, giao thương hàng hóa quốc tế, tập trung phát triển du lịch văn hóa, sinh thái và nông lâm nghiệp.

- Hành lang Đông Tây phía Nam (Sa Huỳnh - Ba Tơ - Bờ Y): từ Phổ An đi Thạch Trụ - Phổ Phong - Ba Tơ - Kon Tum - Bờ Y - Ngọc Hồi; là hành lang cửa ngõ kinh tế biển, kết nối với các tỉnh Tây Nguyên, tập trung phát triển thương mại, dịch vụ, công nghiệp, nông lâm nghiệp và khai thác thủy sản.

- Hành lang kinh tế kết nối nội vùng dọc tỉnh lộ 622, 626 và 24B kết nối từ Trà Bồng đến Ba Tơ (Ba Vì - Sơn Hà - Sơn Tây - Trà Bồng): là hành lang kinh tế xanh kết nối với hai hành lang Đông Tây của tỉnh để hoàn chỉnh mạng lưới hạ tầng kết nối.

c) Các khu vực khuyến khích phát triển, khu vực bảo tồn, hạn chế phát triển

- Các khu vực cần bảo tồn: vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng phục hồi sinh thái của các khu bảo tồn thiên nhiên; vùng lõi di sản thiên nhiên được tổ chức quốc tế công nhận; khu vực bảo vệ I các di tích lịch sử - văn hóa quốc gia, di tích lịch sử - văn hóa quốc gia đặc biệt; rừng phòng hộ đầu nguồn và rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư.

- Các khu vực hạn chế phát triển: các khu vực địa hình quan trọng đặc biệt và quan trọng cao ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng; vùng đệm các khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên được tổ chức quốc tế công nhận; các hành lang

đa dạng sinh học, vùng đất ngập nước quan trọng; khu vực bảo vệ II các di tích lịch sử - văn hóa quốc gia, di tích lịch sử - văn hóa quốc gia đặc biệt; hành lang bảo vệ nguồn nước; rừng phòng hộ ngoài khu vực rừng phòng hộ đầu nguồn và rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư; vùng có nguy cơ xảy ra sạt lở, lũ ống, lũ quét.

- Các khu vực khuyến khích phát triển: khu vực thành phố, thị xã, khu kinh tế Dung Quất, thị trấn, các đô thị mới, các khu vực nằm trên các hành lang kinh tế, các khu vực có nhiều tiềm năng phát triển đô thị, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp, công nghiệp.

d) Phương án sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện, cấp xã thời kỳ 2023 - 2030

- Giai đoạn 2023 - 2025: Tiếp tục thực hiện sắp xếp đối với các ĐVHC cấp huyện, cấp xã còn lại có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% quy định; ĐVHC cấp huyện đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 200% quy định; ĐVHC cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

- Giai đoạn 2026 - 2030: Thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã còn lại có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% quy định; ĐVHC cấp huyện đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 200% quy định; ĐVHC cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

- Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số của ĐVHC thực hiện theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC. Việc lập và thực hiện quy hoạch sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã ngoài tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số cần phải tính đến kết quả sắp xếp giai đoạn trước, ĐVHC ổn định từ lâu, có vị trí biệt lập, có các yếu tố đặc thù và các ĐVHC nông thôn đã được quy hoạch thành ĐVHC đô thị.

- Phương án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030 thực hiện theo Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi được cấp thẩm quyền phê duyệt. Việc xác định phạm vi, địa giới hành chính, tên địa lý cụ thể các ĐVHC cấp huyện, cấp xã sẽ được thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, TỔ CHỨC LÃNH THỔ KHU VỰC NÔNG THÔN VÀ PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị

Phấn đấu đến năm 2030, phát triển hệ thống đô thị của tỉnh gồm 18 đô thị (khi đáp ứng được các điều kiện, tiêu chí theo quy định), bao gồm: 01 đô thị đạt một số tiêu chí cơ bản của đô thị loại I là thành phố Quảng Ngãi; 02 đô thị đạt một số tiêu chí cơ bản của đô thị loại III là thị xã Bình Sơn và thị xã Đức Phổ; 01 đô thị loại IV là huyện Lý Sơn; 14 đô thị loại V, trong đó, có 06 đô thị dự kiến đạt một số tiêu chí đô thị loại IV là: đô thị Di Lăng (mở rộng), Trà Xuân (mở rộng), Ba Tơ (mở rộng), La Hà - Sông Vệ (mở rộng), Chợ Chùa, Mộ Đức. Định hướng một số đô thị trọng tâm như sau:

- Thành phố Quảng Ngãi: Là thành phố tỉnh lỵ, trung tâm chính trị - kinh tế, văn hóa - xã hội và khoa học kỹ thuật của tỉnh Quảng Ngãi; là đô thị ven sông, hướng biển - một trong những đô thị có tiềm năng phát triển thuộc dải đô thị ven biển miền Trung Việt Nam.

- Thị xã Bình Sơn: Là đô thị công nghiệp - thương mại dịch vụ - du lịch, đô thị cửa ngõ phía Bắc của tỉnh, có hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội hiện đại và đồng bộ.

- Thị xã Đức Phổ: Là đô thị sinh thái, trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của vùng phía Nam tỉnh Quảng Ngãi; là đầu mối giao thông kết nối với các tỉnh Tây Nguyên.

- Các đô thị còn lại đóng vai trò là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, thương mại của đơn vị hành chính cấp huyện.

(Chi tiết tại Phụ lục I)

2. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn; phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; phân bố hệ thống các điểm dân cư nông thôn

- Phát triển khu vực nông thôn gắn với công tác xây dựng nông thôn mới, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phát huy tối đa điều kiện tự nhiên, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả đất đai; đảm bảo bền vững, định cư lâu dài, thích ứng biến đổi khí hậu, giảm thiểu những thiệt hại tiềm ẩn do thiên tai gây ra.

- Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, phát triển các làng nghề gắn với du lịch, dịch vụ thương mại và phát triển sản sản phẩm OCOP.

- Mở rộng, sắp xếp các khu dân cư nông thôn đồng bộ với hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, có tính đến tiếp cận các dịch vụ xã hội, giáo dục, y tế; phát triển các khu, điểm dân cư nông thôn gắn với vùng sản xuất, phù hợp phong tục tập quán, đặc điểm tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội của từng vùng trong tỉnh. Bảo vệ các không gian cảnh quan, di tích lịch sử, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng và các không gian có giá trị trong vùng nông thôn. Chủ động di dời, bố trí, sắp xếp lại các điểm dân cư đối với khu vực có nguy cơ cao xảy ra thiên tai, sạt lở.

- Phát triển du lịch tại các điểm dân cư gắn với bảo vệ không gian, cảnh quan di tích tôn giáo, tín ngưỡng và các không gian có giá trị trong vùng nông thôn; khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường.

- Hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại các khu vực thuận lợi về điều kiện tự nhiên và hạ tầng tại từng địa bàn, trong đó chú trọng tại một số địa phương có lợi thế: thị xã Đức Phổ; huyện Nghĩa Hành; huyện Sơn Hà; huyện Mộ Đức; huyện Bình Sơn; huyện Sơn Tịnh; huyện Tư Nghĩa.

3. Phương án phát triển các khu chức năng, cụm công nghiệp

a) Khu kinh tế Dung Quất

Phát triển Khu kinh tế Dung Quất tại các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Lý Sơn và thành phố Quảng Ngãi, quy mô diện tích khoảng 45.332 ha, với định hướng là khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực, bao gồm: Công nghiệp - thương mại - dịch vụ - du lịch - đô thị và nông lâm ngư nghiệp. Triển khai hoàn thành Dự án nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất, hình thành Trung tâm lọc, hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất.

b) Khu công nghiệp

Phát triển hệ thống các khu công nghiệp (KCN) hợp lý về không gian lãnh thổ, khai thác được tiềm năng, lợi thế của tỉnh và bảo đảm phát triển bền vững. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thu hút đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư có nguồn lực tài chính, công nghệ tiên tiến, quản trị hiện đại; thu hút đầu tư vào các ngành có hàm lượng công nghệ cao, thân thiện môi trường, giá trị gia tăng cao.

Đến năm 2030, tỉnh Quảng Ngãi định hướng phát triển 10 KCN, gồm 06 KCN nằm trong Khu kinh tế Dung Quất (trong đó, có 4 khu hiện có là KCN phía Tây, KCN Đông Dung Quất, KCN Bình Hòa - Bình Phước, KCN Tịnh Phong; dự kiến thành lập mới 02 khu là KCN Dung Quất II, KCN Bình Thanh) và 04 KCN nằm ngoài Khu kinh tế Dung Quất (trong đó, có 02 khu hiện có là KCN Phổ Phong, KCN Quảng Phú; dự kiến thành lập mới 02 khu là KCN Bình Long và KCN An Phú). Tổng diện tích đất tính toán theo nhu cầu phát triển cho 10 KCN này là 6.648 ha, trong đó diện tích đất KCN đã được phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ là 3.157 ha; phần diện tích còn lại chênh lệch giữa nhu cầu với chỉ tiêu đã được phân bổ là 3.491 ha, sẽ thực hiện khi được điều chỉnh, bổ sung.

Tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả kinh tế của KCN Quảng Phú tại thành phố Quảng Ngãi. Phát triển, mở rộng 05 KCN hiện có (04 khu nằm trong Khu kinh tế Dung Quất và 01 khu nằm ngoài Khu kinh tế Dung Quất) tại những vị trí thuận

lợi về kết nối giao thông đường bộ, đường thủy, cảng biển và có hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

Dự kiến thành lập mới 04 KCN khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về quản lý khu công nghiệp.

(Chi tiết tại Phụ lục II)

c) Cụm công nghiệp

Phát triển hệ thống các cụm công nghiệp (CCN) hợp lý về không gian lãnh thổ, khai thác được tiềm năng, lợi thế của tỉnh và bảo đảm phát triển bền vững.

- Thực hiện di dời 03 CCN gồm 02 cụm ở thành phố Quảng Ngãi (CCN Tịnh Ấn Tây, CCN phường Trương Quang Trọng) và 01 cụm ở huyện Ba Tơ (CCN thị trấn Ba Tơ).

- Tiếp tục duy trì, mở rộng 17 CCN hiện có; đề xuất thành lập mới 19 CCN. Nghiên cứu, thành lập mới các cụm công nghiệp khác tại các vị trí có tiềm năng khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định.

(Chi tiết tại Phụ lục III)

d) Khu du lịch

- Các khu vực tiềm năng phát triển Khu du lịch quốc gia: Khu du lịch Mỹ Khê và Khu du lịch đảo Lý Sơn; tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất để sớm được công nhận là Khu du lịch quốc gia.

- Phát triển, hình thành các khu du lịch cấp tỉnh tại các huyện Trà Bồng, Bình Sơn, Ba Tơ, Sơn Hà và thị xã Đức Phổ: Khu du lịch biển Sa Huỳnh, Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng hồ Núi Ngang, Khu du lịch sinh thái Thạch Bích, Khu du lịch Bình Châu, Khu du lịch sinh thái Núi Cà Đam, Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Hồ Nước Trong, Khu du lịch sinh thái Kà Tinh, Khu du lịch sinh thái thảo nguyên Bùi Hui, Quần thể đô thị nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái Thạch Bích - Núi Chúa và hình thành các khu du lịch cấp tỉnh khác khi đủ điều kiện.

- Phát triển khu vực dọc tuyến ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh (từ huyện Tư Nghĩa đến thị xã Đức Phổ) trở thành khu du lịch - dịch vụ - đô thị và nông lâm nghiệp ven biển, trong đó phát triển du lịch là chức năng chủ đạo, làm động lực thúc đẩy và phát triển các khu đô thị mới dọc theo tuyến ven biển, góp phần tạo động lực phát triển cho khu vực ven biển phía Nam của tỉnh.

- Thu hút đầu tư, xây dựng một số sân gôn kết hợp với các khu nghỉ dưỡng, du lịch, thể thao, vui chơi giải trí, khu đô thị dịch vụ tại các địa điểm thích hợp, có tiềm năng, khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn.

4. Phương án phát triển khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

Gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa của các cộng đồng dân tộc trên địa bàn tỉnh, trong đó ưu tiên trùng tu, tôn tạo các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh đã được công nhận; di sản văn hóa phi vật thể đã được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia.

5. Phương án phát triển các khu vực có vai trò động lực

Phát triển hai trung tâm động lực tăng trưởng của tỉnh: (1) Hình thành Trung tâm lọc, hóa dầu và năng lượng quốc gia, Trung tâm công nghiệp, dịch vụ của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung tại Khu kinh tế Dung Quất; (2) Phát triển huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi trở thành Trung tâm du lịch biển - đảo.

Phát triển ba trung tâm đô thị gắn với công nghiệp và kinh tế biển tạo động lực phát triển trong thời kỳ quy hoạch: (1) Đô thị trung tâm, với thành phố Quảng Ngãi là hạt nhân; (2) Trung tâm đô thị phía Bắc, với thị xã Bình Sơn là hạt nhân; (3) Trung tâm đô thị phía Nam, với thị xã Đức phổ là hạt nhân.

6. Phương án phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn

- Về phát triển kinh tế: Triển khai thực hiện hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia: xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Nhân rộng các mô hình giảm nghèo bền vững, có hiệu quả, phù hợp nhằm nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh cho hộ nghèo, cận nghèo; tạo điều kiện thuận lợi cho người nghèo, cận nghèo tiếp cận các chính sách, nguồn lực thị trường (thị trường vốn, lao động, đất đai, khoa học, kỹ thuật, công nghệ và thị trường hàng hóa đầu vào, đầu ra…), hướng đến phát triển sản xuất và dịch vụ, tăng thu nhập, từng bước cải thiện và nâng cao đời sống, tinh thần cho người nghèo, cận nghèo. Tăng cường thu hút và xã hội hóa các nguồn vốn đầu tư cho hạ tầng kinh tế - xã hội, vốn phát triển sản xuất.

- Về phát triển cơ sở hạ tầng: Đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông nông thôn, kết nối giao thông nông thôn với các trục đường huyện, đường tỉnh; nạo vét công trình thủy lợi; mở rộng hệ thống cấp nước sạch.

- Về phát triển văn hóa, xã hội: Đầu tư hoàn thiện mạng lưới y tế, nâng cao năng lực khám, chữa bệnh; nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng giáo dục các cấp; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội (bảo hiểm, y tế, giáo dục, tài chính), chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác đối với các đối tượng khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn; thực hiện tốt chính sách hỗ trợ, đào tạo nghề nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bảo tồn phát huy giá trị bản sắc dân tộc.

7. Khu vực quốc phòng, an ninh

Xây dựng hệ thống công trình quốc phòng, an ninh sẵn sàng phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc; thực hiện tốt kết hợp phát triển kinh tế gắn quốc phòng, an ninh làm cơ sở xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đặc biệt, phát triển huyện đảo Lý Sơn trở thành trung tâm du lịch biển đảo phải gắn liền với công tác phòng thủ bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

Bám sát định hướng của quy hoạch cấp quốc gia để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông của tỉnh bảo đảm đồng bộ, hiện đại, liên thông, thúc đẩy liên kết vùng.

a) Đường bộ

- Thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Nghiên cứu, đầu tư xây dựng Tuyến cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum khi được bổ sung vào Quy hoạch mạng lưới đường bộ quốc gia, đảm bảo về điều kiện bố trí nguồn lực và quy định hiện hành, nhằm tăng tính kết nối giữa tỉnh Quảng Ngãi với tỉnh Kon Tum nói riêng và vùng Tây Nguyên nói chung, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời trình cấp có thẩm quyền cho chủ trương thực hiện dự án Cao tốc Quảng Ngãi - Quảng Nam (CT22) trong kỳ Quy hoạch 2021 - 2030 khi tỉnh huy động đủ nguồn lực thực hiện.

- Các tuyến đường tỉnh: Phấn đấu cải tạo, đầu tư nâng cấp, mở rộng 12 tuyến đường tỉnh hiện hữu và xây mới một số tuyến đường tỉnh khác đạt tối thiểu cấp III đồng bằng, đảm bảo kết nối đồng bộ giữa các địa phương trong tỉnh. Đối với những đoạn tuyến đi qua khu vực đô thị, sẽ được đầu tư theo quy hoạch xây dựng đô thị được phê duyệt.

b) Đường sắt

Thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường sắt quốc gia thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050. Xây dựng mới tuyến đường sắt đô thị tại Khu kinh tế Dung Quất nhằm định hướng kết nối với tỉnh Quảng Nam.

c) Cảng hàng không

Nghiên cứu phát triển cảng hàng không, sân bay tại vị trí có tiềm năng là huyện đảo Lý Sơn khi đảm bảo các điều kiện theo quy định.

d) Cảng biển, cảng và đường thủy nội địa

Thực hiện theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Nâng cấp, cải tạo, khai thác hiệu quả các hạ tầng hàng hải công cộng đã có; nghiên cứu đầu tư xây dựng các trạm quản lý luồng hàng hải tại các huyện Bình Sơn, Lý Sơn và các địa phương khác có tiềm năng, phù hợp với các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành và các quy hoạch khác có liên quan, tuân thủ theo quy định của pháp luật, nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của Nhân dân.

Hình thành các bến (hàng hóa, hành khách), cảng sông theo các khu du lịch, khu - cụm công nghiệp, các dự án thu hút đầu tư và nhu cầu phát triển thực tế của địa phương, phát huy tối đa các tiềm năng kinh tế trên các vùng lãnh thổ.

đ) Công trình hạ tầng giao thông khác

- Trung tâm logistics: nghiên cứu đầu tư trung tâm logistics cấp vùng tại Khu kinh tế Dung Quất là đầu mối kết hợp đa phương thức vận tải. Nghiên cứu, đề xuất các trung tâm logistics vệ tinh bổ trợ cho trung tâm logistics cấp vùng tại các địa phương, tại các vị trí đấu nối với cao tốc Bắc - Nam để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Bến xe: Phấn đấu mỗi huyện xây dựng tối thiểu 1 bến xe khách; nghiên cứu xây dựng thêm các bến xe hàng, bến đỗ xe tại các đô thị lớn nhằm điều tiết giao thông một cách hiệu quả.

- Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới: Hình thành các trung tâm đăng kiểm tại thành phố Quảng Ngãi, thị xã Đức Phổ, huyện Tư Nghĩa, huyện Mộ Đức và các địa phương khác trên địa bàn tỉnh trên cơ sở đáp ứng nhu cầu của người dân.

- Trung tâm đào tạo, trung tâm sát hạch lái xe: Hình thành các trung tâm đào tạo, trung tâm sát hạch lái xe tại các huyện: Tư Nghĩa, Mộ Đức, thị xã Đức Phổ và các địa phương khác trên địa bàn tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục IV, V)

2. Phương án phát triển năng lượng và mạng lưới cấp điện

a) Phương án phát triển nguồn điện

- Tiếp tục thực hiện các dự án đã được quy hoạch trong thời kỳ trước và các dự án trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về điện lực và quy định của pháp luật về đầu tư.

- Duy trì nguồn phát hiện có; đẩy mạnh phát triển nguồn năng lượng tái tạo (thủy điện, điện gió trên bờ và ngoài khơi, điện mặt trời, điện sinh khối, các nguồn

thủy điện có kết hợp thủy lợi...), năng lượng mới, năng lượng sạch (hydro, amoniac xanh...) phù hợp với khả năng bảo đảm an toàn hệ thống với giá thành điện năng hợp lý, đặc biệt là các nguồn điện tự sản, tự tiêu, điện mặt trời mái nhà.

b) Phương án phát triển lưới điện truyền tải, lưới điện phân phối

- Trạm và lưới điện 220kV - 500 kV: Tiếp tục thực hiện các dự án đã được quy hoạch trong thời kỳ trước và các dự án trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Trạm và lưới điện 110 kV: Nâng công suất và xây dựng các trạm biến áp 110kV phù hợp với phương án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; ưu tiên phát triển trạm biến áp cho các khu đô thị và dân cư, KCN, CCN và đặc biệt là Khu kinh tế Dung Quất. Cải tạo và xây dựng các đường dây điện 110kV đảm bảo cung cấp điện cho các trạm biến 110kV và đảm bảo độ tin cậy vận hành lưới điện N-1.

- Trạm và lưới điện trung thế: Cải tạo và xây dựng các nhánh rẽ, nhánh chính trung thế đảm bảo cung cấp điện cho các khu dân cư; đầu tư xây dựng các lộ ra trạm 110kV; tăng cường liên kết các mạch vòng tuyến trục trung thế để khai thác hiệu quả các trạm biến áp 110kV; đầu tư các đường dây đấu nối nguồn điện; phát triển lưới điện cho các KCN, CCN các khu dân cư, đô thị và các cơ sở kinh tế xã hội khác trên địa bàn tỉnh.

c) Phương án phát triển năng lượng

Thực hiện theo Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(Chi tiết tại Phụ lục VI.1, Phụ lục VI.2)

3. Phương án phát triển mạng lưới thông tin và truyền thông

- Đầu tư hạ tầng thông tin và truyền thông cơ bản đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, phát triển ổn định và thịnh vượng, thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới, đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Chính quyền, đáp ứng phương thức sống mới, phương thức làm việc mới trong một môi trường số an toàn, rộng khắp.

- Phát triển hạ tầng bưu chính theo hướng đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển dịch từ dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số. Hạ tầng bưu chính chuyển phát trở thành hạ tầng quan trọng của nền kinh tế số, của thương mại điện tử; góp phần thúc đẩy Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Nâng cấp, xây mới hạ tầng mạng lưới bưu chính, chuyển đổi hạ tầng truyền thống sang hạ tầng số, phát triển thương mại điện tử và logistics; thúc đẩy cung ứng dịch vụ công qua mạng bưu chính công cộng. Xây dựng trung tâm bưu chính tỉnh và trung tâm bưu chính huyện tại thành phố Quảng Ngãi, thị xã Đức Phổ, huyện Bình Sơn, Mộ Đức, Sơn Hà, Sơn Tịnh, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa. Khuyến khích các thành phần kinh tế

tham gia đầu tư xây dựng, vận hành và chia sẻ, khuyến khích sử dụng chung hạ tầng bưu chính.

- Chuyển đổi hạ tầng viễn thông thành hạ tầng số, xây dựng mạng thông tin di động 5G phủ sóng tại 100% các khu dân cư của tỉnh. Đảm bảo hoạt động của các tuyến truyền dẫn quang liên tỉnh và nội tỉnh với dung lượng cao, kết nối liên huyện, liên vùng, đặc biệt là các vùng trung tâm kinh tế - chính trị, vùng kinh tế trọng điểm (thành phố Quảng Ngãi, thị xã Đức Phổ, Khu kinh tế Dung Quất và các KCN); chuyển đổi số hạ tầng các cơ quan báo chí nòng cốt theo mô hình tòa soạn hội tụ, truyền thông đa phương tiện.

- Đầu tư, nâng cấp các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm, ngầm hóa hạ tầng mạng cáp viễn thông; phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động. Phát triển các nền tảng số, ứng dụng công nghệ số mới vào cải cách thủ tục hành chính; xây dựng đô thị thông minh và từng bước chuyển đổi sang chính quyền số. Xây dựng trung tâm dữ liệu tỉnh phù hợp với lộ trình chuyển đổi số quốc gia và đáp ứng nhu cầu sử dụng của tỉnh.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế số, phát triển thanh toán số theo hướng phổ cập tài chính toàn diện. Phát triển mạnh kinh tế số ngành, lĩnh vực trọng điểm; phát triển xã hội số, trọng tâm là chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế, giáo dục. Phát triển danh tính số và hệ thống định danh, xác thực điện tử. Duy trì triển khai an toàn thông tin mạng theo mô hình 4 lớp; vận hành hiệu quả hệ thống giám sát, điều hành an toàn thông tin mạng (SOC) của tỉnh kết nối hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn thông tin phục vụ Chính quyền số.

4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước

a) Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi

Phát triển hệ thống công trình thủy lợi phù hợp với phương án phân vùng, quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi, quy hoạch vùng, quy hoạch thủy lợi có liên quan. Chủ động các giải pháp thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng, sạt lở bờ sông, lũ, triều cường, xâm nhập mặn, kịp thời bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Mạng lưới thủy lợi được phân thành 06 vùng:

+ Vùng thượng lưu sông Trà Bồng: bao gồm phần lớn diện tích đất đai ở các huyện Trà Bồng, Sơn Tịnh, Bình Sơn thuộc lưu vực sông Trà Bồng.

+ Vùng thượng lưu sông Trà Khúc: bao gồm phần lớn diện tích đất đai ở các huyện Sơn Tây, Sơn Hà, Sơn Tịnh, Ba Tơ, Trà Bồng, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Minh Long nằm ở vùng thượng lưu đập Thạch Nham và hệ thống kênh Thạch Nham thuộc lưu vực sông Trà Khúc.

+ Vùng thượng lưu sông Vệ: bao gồm phần lớn diện tích các huyện Ba Tơ, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Minh Long thuộc lưu vực Vệ.

+ Vùng Trà Câu: toàn bộ phần diện tích tự nhiên lưu vực sông Trà Câu, gồm các huyện Mộ Đức, thị xã Đức Phổ và một phần huyện Ba Tơ.

+ Vùng hạ lưu sông Trà Bồng, Trà Khúc, Sông Vệ: gồm toàn bộ phần diện tích tự nhiên tính từ hạ lưu đập Thạch Nham và hệ thống kênh Thạch Nham đến bờ biển thuộc các sông Trà Bồng, Trà Khúc, sông Vệ. Gồm 3 tiểu vùng: Tiểu vùng hạ lưu sông Trà Bồng, tiểu vùng hạ lưu sông Trà Khúc, tiểu vùng hạ lưu sông Vệ.

+ Vùng Lý Sơn: gồm toàn bộ phần diện tích tự nhiên của huyện đảo Lý Sơn.

- Đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới công trình, hệ thống công trình thủy lợi theo hướng phục vụ đa mục tiêu và toàn diện, hoàn chỉnh. Nâng cấp, hiện đại hóa công trình đầu mối, kênh dẫn thuộc hệ thống thủy lợi Thạch Nham, hệ thống thủy lợi Hồ Núi Ngang - Liệt Sơn và kênh liên huyện, liên xã khác, điều khiển vận hành để phát huy năng lực thiết kế và nâng cao năng lực phục vụ đảm bảo cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp và đáp ứng nhu cầu của các ngành kinh tế - xã hội.

- Nghiên cứu đầu tư các công trình tích trữ nước, đập dâng, đập ngăn mặn, hệ thống dẫn nước và chuyển nước để đáp ứng nhu cầu cung cấp nước cho từng khu vực. Trong đó, ưu tiên đầu tư xây dựng mới Hồ chứa nước Thượng Sông Vệ tại huyện Ba Tơ nhằm giảm lũ vùng hạ du, cấp nước cho nông nghiệp, công nghiệp, sinh hoạt, kết hợp nuôi trồng thủy sản và tạo cảnh quan, môi trường và phát điện.

Thực hiện kiên cố hóa kênh mương và sửa chữa kênh mương đã xuống cấp để đảm bảo tưới, tiêu thoát nước chủ động, giảm thất thoát nước.

(Chi tiết tại Phụ lục VII)

b) Phương án phát triển mạng lưới cấp nước

- Xây dựng mới hệ thống cấp nước liên huyện tại thị xã Đức Phổ và thành phố Quảng Ngãi. Duy trì hệ thống cấp nước đô thị, công nghiệp hiện tại, ưu tiên thu hút đầu tư nâng công suất các nhà máy nước hiện có tại thành phố Quảng Ngãi và huyện Tư Nghĩa (nhà máy nước thành phố Quảng Ngãi, nhà máy nước Nghĩa Kỳ - Nghĩa Thuận, nhà máy nước Tịnh An,...) để đảm bảo cấp nước cho các khu đô thị mới, các vùng dân cư nông thôn lân cận. Thu hút, xây dựng mới các nhà máy nước lấy nguồn nước ngầm, nước mặt từ các công trình thủy lợi, kênh và các sông, suối: Trà Bồng, Trà Khúc, Sông Vệ, Trà Câu v.v.

- Duy trì, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các công trình cấp nước tập trung tại khu vực nông thôn và đảo Lý Sơn; ưu tiên đầu tư các công trình nối mạng cấp nước liên xã.

- Phân vùng cấp nước theo 6 vùng: vùng thượng lưu sông Trà Bồng, vùng thượng lưu sông Trà Khúc, vùng thượng lưu Sông Vệ, vùng lưu vực sông Trà Câu, vùng hạ lưu sông Trà Bồng - Trà Khúc - sông Vệ, vùng Lý Sơn.

c) Phương án phát triển hệ thống thoát nước mặt

Phương án thoát nước hướng tới phát triển ổn định, bền vững trên cơ sở xây dựng đồng bộ hệ thống thoát nước cho các đô thị, nông thôn và các khu, cụm công nghiệp. Phương án thoát nước gắn với công tác bảo vệ môi trường sinh thái phát triển bền vững, trong đó chú trọng bảo vệ các lưu vực sông, cảnh quan sông suối tự nhiên, ao hồ trong vùng và khu vực trên cơ sở quản lý toàn diện lưu vực sông, phù hợp với phân vùng thủy lợi.

Phân vùng tiêu thoát nước mặt: căn cứ điều kiệu tự nhiên, điều kiện địa hình trên toàn tỉnh Quảng Ngãi, phân ra làm 6 vùng thoát nước:

- Vùng thượng lưu sông Trà Bồng, bao gồm phần lớn diện tích đất đai ở các huyện Trà Bồng, Sơn Tịnh, Bình Sơn thuộc lưu vực sông Trà Bồng; hướng thoát ra sông Trà Bồng, các suối, sông nhánh của sông Trà Bồng.

- Vùng thượng lưu sông Trà Khúc, bao gồm phần lớn diện tích đất đai ở các huyện Sơn Tây, Sơn Hà, Sơn Tịnh, Ba Tơ, Trà Bồng, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Minh Long nằm ở vùng thượng lưu đập Thạch Nham và hệ thống kênh Thạch Nham thuộc lưu vực sông Trà Khúc; hướng thoát ra sông Trà Khúc, các suối, sông nhánh của sông Trà Khúc.

- Vùng thượng lưu sông Vệ, bao gồm phần lớn diện tích các huyện Ba Tơ, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Minh Long thuộc lưu vực Vệ; hướng thoát ra sông Vệ, các suối, sông nhánh của sông Vệ.

- Vùng Trà Câu, bao gồm toàn bộ phần diện tích tự nhiên lưu vực sông Trà Câu, gồm các huyện Mộ Đức, thị xã Đức Phổ, và một phần huyện Ba Tơ; hướng thoát ra sông Trà Câu, các suối, sông nhánh của sông Trà Câu.

- Vùng hạ lưu sông Trà Bồng, sông Trà Khúc, sông Vệ, bao gồm toàn bộ phần diện tích tự nhiên tính từ hạ lưu đập Thạch Nham và hệ thống kênh Thạch Nham đến hbờ biển thuộc các sông Trà Bồng, sông Trà Khúc, sông Vệ; hướng thoát về các trục tiêu, các sông suối, kênh mương nội đồng và các sông Trà Bồng, sông Trà Khúc, sông Vệ.

- Vùng Lý Sơn, bao gồm toàn bộ phần diện tích tự nhiên của huyện đảo Lý Sơn; hướng thoát nước ra biển.

5. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải

a) Phương án phát triển hệ thống xử lý nước thải

Tiếp tục nâng cấp, mở rộng, nâng cao hiệu quả của các hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung quy mô lớn tại các đô thị, khu kinh tế và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Nước thải sinh hoạt đô thị: Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng tại các khu vực đô thị. Xây dựng mới, nâng cấp các nhà máy xử lý nước thải tại các đô thị.

- Nước thải công nghiệp: xây dựng, vận hành các nhà máy xử lý nước thải tập trung tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải; nước thải phát sinh từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ từ hoạt động trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề phải được xử lý sơ bộ trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung theo đúng quy định.

- Nước thải y tế: xây dựng nâng cấp, bổ sung xây dựng mới các trạm xử lý nước thải tập trung theo từng bệnh viện đảm bảo quy mô và giai đoạn phát triển của các bệnh viện. Nước thải y tế nguy hại phải được xử lý riêng, đạt tiêu chuẩn môi trường trước khi xả ra cống thoát nước thải đô thị.

- Khu vực nông thôn: thực hiện theo các đồ án nông thôn mới được phê duyệt. Khuyến khích xây dựng mạng lưới thu gom và xử lý nước thải tập trung.

b) Phương án phát triển các khu xử lý chất thải rắn

- Xây dựng các khu xử lý chất thải rắn (CTR) đảm bảo xử lý 100% lượng CTR phát sinh trong phạm vi phục vụ của mỗi cơ sở theo hướng xử lý tập trung, liên đô thị, liên vùng, hạn chế xử lý phân tán, gây ô nhiễm môi trường; xây dựng hệ thống quản lý CTR hiện đại, thực hiện phân loại tại nguồn, thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý triệt để bằng những công nghệ tiên tiến và phù hợp, hạn chế tối đa lượng chất thải phải chôn lấp, giảm chi phí đầu tư xây dựng bãi chôn lấp và tăng hiệu quả sử dụng đất.

- Duy trì, phát huy hiệu quả các khu xử lý chất thải tập trung cấp tỉnh, liên tỉnh, liên huyện hiện có; xử lý triệt để các bãi chôn lấp, các khu xử lý chất thải tập trung không phù hợp với quy hoạch, gây ô nhiễm môi trường, không bảo đảm khoảng cách an toàn về môi trường, hoặc có nguy cơ bị ngập lụt.

- Nghiên cứu, thu hút đầu tư xây dựng mới: 01 khu xử lý chất thải tập trung quy mô cấp quốc gia tại huyện Bình Sơn và huyện Sơn Tịnh với diện tích dự kiến khoảng 82 ha, có công nghệ xử lý hiện đại với mục tiêu xử lý chất thải tổng hợp; 01 khu xử lý chất thải tập trung có quy mô liên huyện tại thị xã Đức Phổ với diện tích dự kiến khoảng 18 ha, xử lý CTR sinh hoạt cho khu vực huyện Ba Tơ và thị xã Đức phổ; xây mới các khu xử lý chất thải tập trung tại các huyện có công nghệ thích hợp, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Xử lý chất thải nguy hại tại Khu liên hợp xử lý chất thải tổng hợp Dung Quất và Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ.

(Chi tiết tại Phụ lục VIII)

6. Phương án quy hoạch hệ thống cảng, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá

Đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng và dịch vụ hậu cần các cảng cá, các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá bảo đảm đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Tăng cường nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ, ưu tiên ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số; nâng cao năng lực quản lý nhà nước đối với cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

(Chi tiết tại Phụ lục IX)

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa - thể thao

- Nâng cấp, cải tạo các thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh: Trung tâm văn hóa, bảo tàng, thư viện. Đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao đạt chuẩn để tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao trên địa bàn, đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ các giá trị văn hóa, thể thao của các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn.

- Xây dựng mới Khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh tại phía Đông thành phố Quảng Ngãi; đầu tư khu liên hợp thể dục thể thao tại huyện Bình Sơn theo tiêu chuẩn cấp vùng; hình thành trung tâm dịch vụ thể thao giải trí gắn với nước (ven biển, đầm phá) phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí của khách du lịch đến khu vực Sa Huỳnh tại thị xã Đức Phổ; xây dựng Bảo tàng Lịch sử Hoàng Sa, Trường Sa tại huyện Lý Sơn; nâng cấp Nhà trưng bày văn hóa Sa Huỳnh trở thành Bảo tàng Văn hóa Sa Huỳnh tại thị xã Đức Phổ; phát triển các sân gôn phục vụ thể thao và du lịch tại các địa điểm thích hợp đảm bảo khai thác, sử dụng tiết kiệm, bền vững, hiệu quả cao nhất nguồn lực đất đai.

- Tiếp tục duy trì, nâng cấp và mở rộng sử dụng các Trung tâm Văn hóa - Thể thao hiện có tại các huyện, thị xã, thành phố. Đầu tư cơ sở vật chất, nâng cấp công trình đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa của Nhân dân.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, huy động nguồn lực đầu tư phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa - thể thao nhằm phát triển toàn diện lĩnh vực văn hóa, thể thao, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh.

2. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo

- Phát triển hệ thống, mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo trên cơ sở kế thừa và phát huy những thành quả của hệ thống, mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo hiện có, thiết thực và có hiệu quả, đồng thời phải phù hợp với phân bố dân cư và kinh

tế trong tỉnh để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận các cơ sở giáo dục và đào tạo. Từng bước nâng cao tỷ lệ kiên cố hóa trường lớp học, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia ở các cấp, bậc học theo các chỉ tiêu đề ra cho từng giai đoạn.

- Duy trì, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm triển khai hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông mới; phát triển mở rộng quy mô, đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị Trường Đại học Phạm Văn Đồng theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực; đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất Trường Đại học Tài chính kế toán Quảng Ngãi và Trường Đại học công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh - Phân hiệu Quảng Ngãi, Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm, đảm bảo năng lực đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật trực tiếp của các ngành và địa phương.

- Xây mới 02 cơ sở giáo dục cấp trung học phổ thông tại huyện Tư Nghĩa và huyện Nghĩa Hành; dự kiến thành lập 01 Trường Đại học ngoài công lập có yếu tố quốc tế khi đủ điều kiện.

- Phát triển hệ thống mạng lưới trường mầm non, trung học cơ sở phù hợp theo hướng đồng bộ, chuẩn hóa, hiện đại hóa.

- Khuyến khích, đẩy mạnh xã hội hóa phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập phù hợp với tình hình phát triển giáo dục, đào tạo của tỉnh; tập trung đẩy nhanh phát triển hệ thống trường học mầm non, phổ thông tư thục ở địa bàn các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu đô thị mới.

(Chi tiết tại Phụ lục X)

3. Phương án phát triển mạng lưới hạ tầng y tế

- Xây dựng hạ tầng y tế tỉnh Quảng Ngãi đồng bộ, hiện đại; chú trọng việc đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, mở rộng các cơ sở y tế nhằm nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh từ tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở. Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật. Phát triển nguồn nhân lực y tế, đào tạo đội ngũ bác sĩ, dược sĩ. Khuyến khích xã hội hóa đầu tư xây dựng cơ sở y tế ngoài công lập góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ sức khỏe của Nhân dân.

- Đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị y tế cho 15 bệnh viện, trung tâm chăm sóc tuyến tỉnh và 13 trung tâm y tế tuyến huyện, thị xã và thành phố phù hợp với năng lực khám, chữa bệnh của đội ngũ y, bác sĩ.

- Ưu tiên thu hút đầu tư, xã hội hóa xây dựng các bệnh viện đa khoa tại thành phố Quảng Ngãi, thị xã Đức Phổ và tại các huyện Tư Nghĩa, Sơn Hà, Bình Sơn, Mộ Đức, Sơn Tịnh và các cơ sở khác đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch, pháp luật có liên quan, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

(Chi tiết tại Phụ lục XI)

4. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp và an sinh xã hội

a) Giáo dục nghề nghiệp

- Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên theo hướng giáo dục mở; phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục chuyên biệt cho người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập.

- Tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập hiện có; nâng cấp, cải tạo, xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn đảm bảo đủ cơ sở vật chất, trang biết bị dạy và học; xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ các hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, trong đó có đào tạo các kỹ năng về khởi nghiệp.

- Khuyến khích đầu tư các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập, nhất là các trường đào tạo kỹ năng đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng, chiến lược của tỉnh.

b) An sinh xã hội

Đầu tư xây dựng mới Cơ sở cai nghiện ma túy tại huyện Tư Nghĩa; thành lập Trung tâm chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi trực thuộc Trường Cao đẳng Quảng Ngãi; xây dựng Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Quảng Ngãi - Giai đoạn 2 tại thành phố Quảng Ngãi; xây dựng dự án nâng cấp Trung tâm Công tác xã hội tỉnh. Mở rộng, nâng cấp các cơ sở trợ giúp xã hội hiện có, tăng công suất tiếp nhận cho các cơ sở; khuyến khích tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đầu tư xây dựng, quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội, chăm sóc người già cô đơn, trẻ mồ côi, khuyết tật phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Phương án phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Nâng cấp cơ sở vật chất Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ Quảng Ngãi, Trung tâm Giống tỉnh và Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông phục vụ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ sinh học phục vụ trong lĩnh vực nông nghiệp, bảo vệ môi trường, công nghiệp thực phẩm và y dược học.

- Đầu tư phát triển mạng lưới trung tâm đổi mới sáng tạo; phát triển khoa học, công nghệ, kinh tế số, xã hội số, chính quyền số. Quan tâm, khuyến khích đầu tư phát triển các tổ chức khoa học công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường đầu tư trang thiết bị, nâng cao năng lực cho các phòng thí nghiệm trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao khả năng thử nghiệm, kiểm nghiệm và đảm bảo chất lượng của hoạt động sản xuất trên địa bàn tỉnh.

6. Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy chữa cháy

Xây dựng các công trình hạ tầng phòng cháy chữa cháy (trụ sở và doanh trại lực lượng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ) tại trung tâm các huyện, thành phố, thị xã, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và địa bàn trọng điểm nguy hiểm về cháy nổ bảo đảm thuận tiện về giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc, phù hợp với Quy hoạch ngành quốc gia về hạ tầng phòng cháy chữa cháy và đáp ứng các quy định hiện hành. Bố trí, thiết lập hệ thống cấp nước chữa cháy phù hợp với yêu cầu phòng cháy chữa cháy tại từng địa bàn.

7. Phương án phát triển hạ tầng thương mại

Phát triển hạ tầng thương mại đồng bộ, hiện đại và bền vững, phù hợp với tính chất và nhu cầu của từng địa phương theo từng giai đoạn, đáp ứng nhu cầu lưu thông hàng hóa, hỗ trợ xuất khẩu và phục vụ các liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ.

- Xây dựng và phát triển các trung tâm logistics với quy mô phù hợp tại khu vực cảng Dung Quất thuộc Khu kinh tế Dung Quất, khu vực thị xã Đức Phổ và tại các địa phương theo nhu cầu phát triển.

- Xây dựng ít nhất 01 Trung tâm hội chợ - triển lãm tại thành phố Quảng Ngãi. Xây dựng ít nhất 01 siêu thị tại trung tâm huyện trong các huyện còn lại chưa có siêu thị; phấn đấu mỗi trung tâm huyện có ít nhất 01 siêu thị hạng III tại thị trấn, các điểm khu dân cư tập trung. Nghiên cứu xây dựng thêm các trung tâm thương mại tối thiểu hạng III trở lên tại các địa phương có đủ điều kiện.

- Đầu tư, cải tạo, nâng cấp hạ tầng 03 chợ hạng 1 tại thành phố Quảng Ngãi, huyện Bình Sơn và thị xã Đức Phổ đáp ứng các yêu cầu về phòng chống cháy nổ, vệ sinh, an toàn thực phẩm, nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa; ưu tiên thu hút đầu tư xây dựng mới 01 siêu thị hạng 1 tại huyện Bình Sơn. Hình thành 05 chợ đầu mối tại thành phố Quảng Ngãi, thị xã Đức Phổ và các huyện: Sơn Tịnh, Bình Sơn, Sơn Hà. Dựa trên nền tảng sẵn có, hình thành các chợ trung tâm của thị xã, thị trấn với quy mô chợ hạng I, mỗi huyện tối thiểu có một chợ hạng II, phát triển rộng rãi mạng lưới chợ dân sinh bán lẻ hạng III ở các xã, phường.

- Xây dựng hệ thống hạ tầng cung ứng, dự trữ xăng dầu, khí đốt đảm bảo đầy đủ, an toàn, liên tục cho phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh và khu vực.

VII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ, KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI

Nguồn lực đất đai phải được điều tra, đánh giá, thống kê, kiểm kê, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển giáo dục, văn hóa, thể thao; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo động lực cho sự phát triển của tỉnh. Đảm bảo việc bố

trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực phù hợp với chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Phần chỉ tiêu bổ sung trong kỳ Quy hoạch theo nhu cầu phát triển của tỉnh được thực hiện khi có quyết định điều chỉnh, bổ sung của cấp có thẩm quyền.

(Chi tiết tại Phụ lục XII)

VIII. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN, VÙNG HUYỆN

1. Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện

Triển khai lập các quy hoạch xây dựng vùng liên huyện bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh và tuân thủ các quy định có liên quan.

2. Quy hoạch xây dựng các vùng huyện

Quy hoạch 09 vùng huyện đảm bảo phù hợp với mục tiêu định hướng phát triển tổng thể của tỉnh, gồm:

- Vùng huyện Sơn Tịnh: Là vùng phát triển công nghiệp của tỉnh; là vùng hậu cần cung cấp lương thực, nông sản cho khu vực công nghiệp hóa phía Đông Bắc của tỉnh.

- Vùng huyện Tư Nghĩa: Là vùng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, có sự liên kết chặt chẽ với thành phố Quảng Ngãi trong việc mở rộng và phát triển trong vai trò là vùng kinh tế động lực trung tâm của tỉnh.

- Vùng huyện Nghĩa Hành: Là vùng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp kết hợp phát triển nông - lâm nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả, chất lượng.

- Vùng huyện Mộ Đức: Là vùng sản xuất nông nghiệp tập trung theo hướng sạch, hữu cơ, có ứng dụng công nghệ cao, gắn với phát triển hệ thống chức năng du lịch - dịch vụ - đô thị.

- Vùng huyện Trà Bồng: Là vùng phát triển dịch vụ - du lịch gắn với cảnh quan đặc trưng, phát triển nông - lâm - thủy sản theo hướng công nghiệp hóa .

- Vùng huyện Sơn Hà: Là vùng phát triển nông - lâm nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả, chất lượng, là vùng động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội phía Tây của tỉnh, là cầu nối giữa khu vực ven biển và các huyện miền núi phía Tây.

- Vùng huyện Minh Long: Là vùng phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, phát triển du lịch gắn với cảnh quan thiên nhiên đặc trưng của khu vực.

- Vùng huyện Sơn Tây: Là vùng phát triển nông - lâm nghiệp, năng lượng; là cửa ngõ phía Tây của tỉnh.

- Vùng huyện Ba Tơ: Là vùng phát triển du lịch gắn với các yếu tố lịch sử, phát triển nông - lâm nghiệp theo hướng bền vững.

IX. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC; KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN; PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học

a) Phương án phân vùng môi trường

Phân vùng môi trường tỉnh Quảng Ngãi theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác để làm cơ sở cho triển khai các giải pháp về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt, bao gồm: khu dân cư tập trung ở thành phố Quảng Ngãi; khu vực nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước tại sông Trà Bồng, sông Trà Khúc, sông Vệ, sông Trà Câu và các hồ chứa nước; khu bảo tồn thiên nhiên Tây Ba Tơ, Trà Bồng; khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hóa; vùng lõi của di sản thiên nhiên.

- Vùng hạn chế phát thải, bao gồm: vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt; hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; vùng đệm khu bảo tồn Tây Ba Tơ, Trà Bồng; khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V; vùng ngập nước quan trọng, khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường khác cần được bảo vệ.

- Vùng môi trường khác: các khu vực còn lại.

b) Phương án bảo tồn đa dạng sinh học

Duy trì các khu bảo tồn hiện có; nghiên cứu, thành lập mới Khu dự trữ thiên nhiên Tây Ba Tơ, Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Tây Trà Bồng và các khu bảo vệ cảnh quan, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học; bảo tồn và phục hồi các loài hoang dã nguy cấp, đặc biệt là các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, loài di cư. Đánh giá, phát huy lợi ích của đa dạng sinh học phục vụ phát triển bền vững; kiểm soát tốt các hoạt động gây tác động tiêu cực đến đa dạng sinh học.

c) Phương án quan trắc môi trường

- Tiếp tục duy trì, nâng cấp hệ thống quan trắc hiện có; xây dựng mới và bố trí mạng lưới quan trắc môi trường phù hợp với mạng lưới quốc gia và của tỉnh Quảng Ngãi, bao gồm môi trường nước mặt (dự kiến 31 vị trí), môi trường nước dưới đất (dự kiến 51 vị trí), môi trường nước biển ven bờ (dự kiến 22 vị trí); môi trường không khí xung quanh, tiếng ồn (dự kiến 57 vị trí), môi trường đất (dự kiến 24 vị trí), môi trường trầm tích (dự kiến 4 vị trí). Số lượng điểm quan trắc có thể thay đổi khi phát sinh theo nhu cầu của tỉnh.

- Số điểm quan trắc và tần suất quan trắc đáp ứng được mục tiêu theo dõi và bảo vệ môi trường; đầu tư nâng cao năng lực phòng thí nghiệm, phân tích môi trường và hệ thống quản lý số liệu, dữ liệu quan trắc môi trường. Thực hiện liên kết mạng lưới, cơ sở dữ liệu, số liệu quan trắc môi trường của tỉnh với mạng lưới, cơ sở dữ liệu, số liệu quan trắc môi trường quốc gia và kết nối mạng lưới quan trắc môi trường cấp vùng. Định kỳ thực hiện kiểm kê, đánh giá tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh. Nâng cao năng lực cảnh báo thiên tai, xây dựng hệ thống cảnh báo lũ ống, lũ quét, quan trắc trượt lở, nâng cấp trạm quan trắc tự động nước mặt các sông và các trạm khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh.

d) Bảo vệ rừng và phát triển rừng

Phát triển lâm nghiệp bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường, trên cơ sở tổ chức sản xuất hợp lý. Tiếp tục bảo vệ, phục hồi hiệu quả tối đa diện tích rừng tự nhiên; duy trì, củng cố các khu rừng đặc dụng hiện có; thành lập mới, khôi phục, tái phát triển một số khu rừng đặc dụng. Rà soát điều chỉnh rừng phòng hộ sang rừng đặc dụng, điều chỉnh bổ sung rừng phòng hộ đầu nguồn; xây dựng các dự án đầu tư bảo vệ và khôi phục rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển, rừng phòng hộ môi trường đô thị - công nghiệp. Tập trung hình thành các vùng nguyên liệu sản xuất gỗ lớn, hình thành các chuỗi trong sản xuất lâm nghiệp, cấp chứng chỉ rừng, v.v; thực hiện các biện pháp lâm sinh để cải tạo phục hồi rừng.

đ) Sắp xếp, phân bố nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ

Xây dựng mới một số nghĩa trang cấp vùng tỉnh: Nghĩa trang sinh thái Hoa viên Vĩnh Hằng tại huyện Tư Nghĩa; Công viên nghĩa trang Vĩnh Hằng tại thành phố Quảng Ngãi; Nghĩa trang Phượng Hoàng tại huyện Bình Sơn, Nghĩa trang công viên Sơn Viên Lạc Cảnh huyện Bình Sơn và một số địa điểm khác. Xây dựng 08 nghĩa trang cấp vùng huyện, 30 nghĩa trang tập trung cấp huyện. Xây dựng mới cơ sở hỏa táng tập trung theo quy hoạch đô thị, quy hoạch vùng huyện và quy hoạch nông thôn mới được duyệt. Bố trí các nhà tang lễ tại các đô thị đảm bảo tiêu chuẩn về phân loại đô thị. Từng bước đóng cửa các nghĩa trang trong khu vực phát triển đô thị hiện hữu. Di dời các nghĩa trang không phù hợp với quy hoạch hoặc không đảm bảo yêu cầu môi trường.

2. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên

- Khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản phù hợp với đặc điểm, tiềm năng của mỗi loại khoáng sản, đảm bảo hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường, gắn với đảm bảo an ninh, quốc phòng, hài hòa giữa lợi ích quốc gia, địa phương và doanh nghiệp; sử dụng khoáng sản hợp lý, hiệu quả và bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và các tài nguyên thiên nhiên khác.

- Thăm dò, khai thác và chế biến các khu, điểm mỏ khoáng sản phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện theo quy định của pháp luật. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác quản lý tài nguyên khoáng sản; tận dụng tối đa nguồn đất, đá thải mỏ làm vật liệu san lấp mặt bằng các dự án phát triển hạ tầng đô thị, giảm áp lực lên các bãi thải mỏ.

- Dừng khai thác các khu vực cấm hoạt động khoáng sản; đối với khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh thực hiện theo các quyết định được phê duyệt và quy định của pháp luật. Chủ động rà soát, điều chỉnh, số lượng, ranh giới, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng của các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường bảo đảm phù hợp với thực tiễn của địa phương. Nghiên cứu, khảo sát bổ sung các vị trí mỏ ngoài danh mục các mỏ kèm theo Phụ lục Quyết định này, để đảm bảo cung ứng kịp thời nguồn vật liệu phục vụ thi công xây dựng cho các công trình, dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.

(Chi tiết tại Phụ lục XIII)

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

- Việc phân phối nguồn nước phải đảm bảo linh hoạt, công bằng hiệu quả, hợp lý giữa các đối tượng khai thác, sử dụng nước trên các vùng, các lưu vực sông trên cơ sở hiện trạng, chức năng nguồn nước, yêu cầu duy trì dòng chảy tối thiểu, ngưỡng khai thác nước dưới đất và khả năng đáp ứng của nguồn nước nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước đến năm 2030 khoảng 1,41 tỷ m^3/năm. Thực hiện việc kiểm kê tài nguyên nước định kỳ làm cơ sở kiểm soát, phân bổ tài nguyên nước. Ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước theo thứ tự: (i) Nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt; (ii) Nhu cầu sử dụng nước cho công nghiệp; (iii) Nhu cầu sử dụng nước cho du lịch, dịch vụ; (iv) Nhu cầu sử dụng nước cho nông nghiệp, thủy sản và các lĩnh vực khác.

- Tổ chức quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; vùng hạn chế và vùng cho phép khai thác nước dưới đất; hồ, ao, đầm, phá không được san lấp; vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh. Cải thiện chất lượng nước, khắc phục tình trạng ô nhiễm tại các đoạn sông, nguồn nước nội tỉnh hiện đang bị ô nhiễm hoặc chưa đáp ứng được mục đích sử dụng đề ra; duy trì, bảo vệ chất lượng nước mặt chưa bị ô nhiễm để bảo đảm đáp ứng được mục tiêu chất lượng nước trong kỳ quy hoạch; kiểm soát hiệu quả các nguồn thải hiện có và các nguồn thải mới phát sinh trong kỳ quy hoạch như nước thải công nghiệp, sinh hoạt, y tế và các loại nước thải khác được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn.

- Xây dựng hệ thống mạng quan trắc tài nguyên nước, giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên các sông suối chính, các công trình khai thác sử dụng nước lớn như các hồ thủy điện, thủy lợi, các khu công nghiệp… nhằm phát

hiện sớm các vi phạm trong khai thác tài nguyên nước, đặc biệt các khu vực có nguy cơ cạn kiệt nguồn nước. Điều tra đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước quan trọng trên địa bàn tỉnh; thực hiện các biện pháp phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông.

- Xây dựng vận hành, tích hợp hệ thống thông tin dữ liệu tài nguyên nước của địa phương với trung ương, nâng cao chất lượng công tác dự báo, cảnh báo tài nguyên nước và kiểm soát các hoạt động khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước thông qua việc kết nối, truyền dữ liệu về hệ thống giám sát theo quy định.

4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn tỉnh và xác định các khu vực ưu tiên phòng, chống đối với từng loại thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; đầu tư xây dựng, tu bổ, nâng cấp hệ thống đê điều, hồ chứa nước và các công trình phòng, chống thiên tai khác; chống sạt lở bờ sông, bờ biển; nạo vét, chỉnh trị dòng chảy các tuyến sông và mở rộng, khơi thông dòng chảy trên trục tiêu chính; sử dụng bãi sông, bãi nổi, cù lao, các vùng đất ven sông đảm bảo yêu cầu thoát lũ, chống lũ theo tần suất thiết kế được quy định phù hợp từng giai đoạn quy hoạch, đảm bảo môi trường và các quy định của pháp luật.

- Nâng cao năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu của hệ thống cơ sở hạ tầng; thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ trong quản lý, giám sát thiên tai nhằm nâng cao năng lực chỉ huy, chỉ đạo điều hành, phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai; xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh các hành động giảm nhẹ khí nhà kính và tăng cường các bể hấp thu khí nhà kính; thực hiện các hành động phục hồi thiên nhiên. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, chống các loại thiên tai thường xuyên xảy ra như lũ, lũ quét, sạt lở đất, ngập úng, hạn hán và thích ứng biến đổi khí hậu; di dân, tái định cư cho người dân nằm trong vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng thiên tai.

X. DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng và phương hướng tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội, xác định một số dự án dự kiến ưu tiên thực hiện theo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh để đầu tư từ ngân sách nhà nước và thu hút đầu tư; tiến độ thực hiện các dự án sẽ tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực của địa phương trong thời kỳ quy hoạch. Khi khả năng nguồn lực đáp ứng, xem xét bổ sung đầu tư một số dự án khác phù hợp với định hướng phát triển trong thời kỳ quy hoạch.

(Chi tiết tại Phụ lục XIV)

XI. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư trong thời kỳ 2021 - 2030 khoảng 410 nghìn tỷ đồng, trong đó: vốn cho giai đoạn 2021 - 2025 cần khoảng 150 nghìn tỷ đồng và giai đoạn 2026 - 2030 cần khoảng 260 nghìn tỷ đồng. Dự kiến vốn từ ngân sách nhà nước trong giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 37 - 38 nghìn tỷ đồng và giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 60 - 65 nghìn tỷ đồng. Dự kiến vốn ngoài ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 120 nghìn tỷ đồng và giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 200 nghìn tỷ đồng.

Nghiên cứu, đề xuất với cấp có thẩm quyền cơ chế hỗ trợ hợp lý từ ngân sách trung ương để tăng thêm nguồn vốn cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và an sinh xã hội của tỉnh. Quản lý chặt chẽ, nâng cao hiệu quả các khoản chi từ ngân sách nhà nước, bảo đảm triệt để tiết kiệm, chống lãng phí; tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên trong cơ cấu chi ngân sách nhà nước, đảm bảo tỷ lệ hợp lý và sự gắn kết chặt chẽ giữa hai khoản chi nhằm hỗ trợ thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Xác định rõ các khoản chi trọng điểm, thứ tự ưu tiên các khoản chi, loại bỏ các khoản chi bất hợp lý.

Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách để huy động nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển; công khai, minh bạch các chính sách ưu đãi đến người dân, doanh nghiệp để kêu gọi thu hút đầu tư; chú trọng năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư, chất lượng dự án đầu tư và tiến độ triển khai dự án; xác định rõ trọng tâm đầu tư, đặc biệt là thu hút đầu tư vào các ngành, lĩnh vực mà tỉnh có lợi thế so sánh và phù hợp với định hướng phát triển các ngành kinh tế của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch cũng như xu thế phát triển chung trong tương lai.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Đầu tư hiện đại hóa các cơ sở giáo dục, đào tạo ở các bậc học, đặc biệt là bậc đại học, cao đẳng và đào tạo nghề; liên tục cập nhật kiến thức, phương pháp dạy học mới, chuẩn hóa chương trình học bám sát nhu cầu của thị trường.

Phát triển mối liên kết giữa các cơ sở giáo dục và doanh nghiệp sử dụng lao động và đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, nghiên cứu. Khuyến khích lao động tham gia học nghề; kết nối thông tin thị trường lao động, hình thành và phát triển sàn giao dịch việc làm.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút và đãi ngộ nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng các cơ chế thu hút nguồn lao động từ ngoại tỉnh hoặc con em Quảng Ngãi làm ăn xa quê về làm việc tại quê hương.

3. Giải pháp về bảo vệ môi trường

Bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách về bảo vệ môi trường, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật và bám sát thực tế các vấn đề về môi trường.

Xây dựng quy chế quản lý chất thải, quản lý ô nhiễm; khuyến khích ứng dụng, chuyển đổi sử dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại thân thiện với môi trường.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường; tăng cường kiểm tra, thanh tra chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, đấu tranh phòng chống tội phạm về môi trường. Tổ chức tốt hoạt động quản lý môi trường trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và làng nghề. Phát huy tối đa hiệu quả hoạt động của lực lượng cảnh sát môi trường.

4. Giải pháp về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chính quyền điện tử, giải quyết các thủ tục hành chính công trực tuyến, tiến tới chính quyền số, xây dựng thành phố thông minh… Cải thiện các chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), và chỉ số Chuyển đổi số (DTI)...

Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước, phấn đấu đạt 0,5 - 1% tổng chi ngân sách nhà nước và huy động nguồn vốn xã hội đầu tư cho khoa học và công nghệ. Đẩy mạnh xã hội hóa và hợp tác công - tư trong xây dựng hệ thống các tổ chức và phát triển đội ngũ khoa học và công nghệ. Phát triển khoa học và công nghệ có trọng tâm, gắn kết chặt chẽ với phát triển các ngành kinh tế.

5. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

- Phối hợp với các tỉnh trong vùng động lực miền Trung và vùng phụ cận để khai thác các tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương; tăng cường kết nối với Khu kinh tế mở Chu Lai dựa trên các kết nối về hạ tầng giao thông sẵn có; liên kết phát triển vận tải, logistics với tỉnh Kon Tum, tỉnh Quảng Nam…; khai thác các tuyến/tour du lịch kết nối với các điểm du lịch trong vùng động lực miền Trung và các khu vực khác.

- Tham gia tích cực vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Tận dụng cơ hội và khai thác hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã ký kết. Thiết lập các đối tác chiến lược với các ngành hàng, sản phẩm chủ lực của tỉnh dựa trên quan hệ thương mại và hợp tác phát triển, đầu tư, cung ứng các sản phẩm có chất lượng và yếu tố kỹ thuật cao.

6. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

- Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh quy trình và thủ tục hành chính về quản lý quy hoạch kiến trúc. Kiểm tra và đảm bảo các hoạt động đầu tư, xây dựng, công trình kiến trúc trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị đã được phê duyệt, phù hợp với đặc điểm kiến trúc đô thị, nông thôn.

- Thực hiện tốt Quy hoạch sử dụng đất trong thời kỳ 2021 - 2030, đặc biệt là lộ trình chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất đô thị, đảm bảo quỹ đất nông nghiệp, quỹ đất rừng và tương ứng với cơ cấu quy hoạch sử dụng đất cho phát triển đô thị.

- Gắn liền quá trình đô thị hóa, phát triển các khu đô thị - dịch vụ với công nghiệp hóa để tăng sức lan tỏa của khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Tiếp tục triển khai một số công trình hạ tầng để thu hút đầu tư, đồng bộ hạ tầng dịch vụ, thương mại và cảnh quan đô thị theo định hướng phát triển Khu kinh tế Dung Quất trở thành đô thị biển vào năm 2050.

- Thực hiện đúng lộ trình di dời các cơ sở sản xuất, cụm công nghiệp, khu công nghiệp gây ô nhiễm, hoạt động không hiệu quả ra khỏi các đô thị. Xây dựng lộ trình phù hợp để mở rộng ranh giới đô thị, nâng hạng đô thị đối với các khu nông thôn giáp với ranh giới đô thị.

7. Giải pháp nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy quản lý hành chính nhà nước

Công khai thông tin tuyển dụng lao động cho các vị trí trong cơ quan hành chính nhà nước, doanh nghiệp. Xây dựng hệ thống tuyển chọn đánh giá đúng năng lực của người tham gia tuyển dụng. Xây dựng các cơ chế, chính sách ưu đãi để thu hút nhân lực chất lượng cao vào bộ máy quản lý hành chính nhà nước.

Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức quản lý, kỹ năng và tác phong đội ngũ cán bộ, công chức. Tổ chức tập huấn sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức các cấp.

8. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

Công bố, công khai, phổ biến quy hoạch; xây dựng kế hoạch thực hiện và rà soát, đánh giá thực hiện quy hoạch.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và quản lý thực hiện quy hoạch. Xây dựng hệ thống theo dõi, đánh giá việc thực hiện quy hoạch thông qua hệ thống các chỉ tiêu, gắn liền với phân công trách nhiệm và thời gian thực hiện.

XII. BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Chi tiết danh mục bản đồ Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Phụ lục XV.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phê duyệt tại Quyết định này là căn cứ để triển khai lập quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:

a) Hoàn thiện hồ sơ quy hoạch để thống nhất với Quyết định phê duyệt quy hoạch; cập nhật cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch theo quy định tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ.

b) Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

c) Xây dựng, trình ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tổ chức thực hiện quy hoạch gắn với chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; định kỳ tổ chức đánh giá thực hiện quy hoạch, rà soát điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật; nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quy hoạch.

d) Nghiên cứu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp phù hợp với yêu cầu phát triển và quy định của pháp luật để huy động các nguồn lực thực hiện quy hoạch.

đ) Thực hiện các yêu cầu, nội dung bảo vệ môi trường khi triển khai các dự án thực hiện Quy hoạch, bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường, góp phần phát triển bền vững; tổ chức quan trắc, giám sát, quản lý môi trường; lưu giữ cơ sở dữ liệu, chia sẻ thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường phục vụ quá trình chuyển đổi số trong quá trình thực hiện Quy hoạch.

e) Thực hiện rà soát nội dung Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng được quyết định hoặc phê duyệt và kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt điều chỉnh trong trường hợp có nội dung mâu thuẫn so với quy hoạch cấp cao hơn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội.

3. Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn, bao gồm cả các dự án chưa được xác định trong các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội và danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện ban hành kèm theo Quyết định này phải phù hợp với định hướng phát triển quy định tại Điều 1 Quyết định này và phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch khác có liên quan; đồng thời, người chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về quyết định của mình.

Trong quá trình nghiên cứu, triển khai các dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô, công suất, phân kỳ đầu tư phù hợp với tiến độ, tình hình thực tế và phải bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật có liên quan.

Việc triển khai các dự án sau khi Quy hoạch tỉnh được phê duyệt phải bảo đảm phù hợp với các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

Đối với các dự án được phân kỳ đầu tư sau năm 2030, trường hợp có nhu cầu đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và huy động được nguồn lực thì báo cáo cấp có thẩm quyền chấp thuận cho đầu tư sớm hơn.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi chịu trách nhiệm trước pháp luật về: (i) tính chính xác của các nội dung, thông tin, dữ liệu, số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu trong hồ sơ quy hoạch; bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về bí mật nhà nước và pháp luật có liên quan khác; (ii) phụ lục các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội và danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện trong thời kỳ quy hoạch được ban hành kèm theo Quyết định này; bảo đảm tính đồng bộ, không chồng lấn, xung đột giữa các nội dung của các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, bảo đảm phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định pháp luật có liên quan; (iii) nội dung tiếp thu, giải trình, bảo lưu ý kiến của các bộ, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong quá trình tham gia ý kiến, thẩm định và rà soát hồ sơ quy hoạch.

5. Các bộ, cơ quan liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi trong quá trình thực hiện Quy hoạch; phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi trong việc nghiên cứu, xây dựng hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà

Phụ lục I

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ TỈNH QUẢNG NGÃI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên đô thị	Phân loại đô thị		Phân loại đơn vị hành chính	
		2021 - 2025	2026 - 2030	2023 - 2025	2026 - 2030
1	**Thành phố Quảng Ngãi**	**II**	**I***	Thành phố	
2	**Sơn Tịnh**				
2.1	Đô thị mới Sơn Tịnh (Tịnh Hà và một phần Tịnh Sơn)	V	V	Thị trấn	
2.2	Tịnh Bắc	-	V*	Xã	
2.3	Tịnh Phong	-	V	Xã	Thị trấn
3	**Tư Nghĩa****				
3.1	La Hà	V	IV*	Thị trấn	
	Sông Vệ	V		Thị trấn	
3.2	Nghĩa Điền	-	V*	Xã	
3.3	Nghĩa Hòa	-	V*	Xã	
3.4	Nghĩa Kỳ	-	V*	Xã	
4	**Bình Sơn**	IV	III*	Thị xã	
4.1	Châu Ổ				
4.2	Vạn Tường				
5	**Trà Bồng****				
5.1	Trà Xuân (mở rộng)	V	IV*	Thị trấn	
5.2	Trà Phong	-	V*	Xã	
5.3	Trà Bình	-	V*	Xã	
6	**Đức Phổ**	**IV**	**III***	Thị xã	
7	**Mộ Đức****				
7.1	Mộ Đức	V	IV*	Thị trấn	
7.2	Nam Sông Vệ - Quán Lát	-	V	Xã	Thị trấn
7.3	Đức Minh		V*	Xã	

STT	Tên đô thị	Phân loại đô thị		Phân loại đơn vị hành chính	
		2021 - 2025	2026 - 2030	2023 - 2025	2026 - 2030
7.4	Đức Lợi	-	V*	Xã	
7.5	Thạch Trụ (Đức Lân)	V	V	Xã	Thị trấn
8	**Nghĩa Hành****				
8.1	Chợ Chùa	V	IV*	Thị trấn	
8.2	Hành Thuận	-	V*	Xã	
8.3	Hành Thiện	-	V*	Xã	
9	**Ba Tơ****				
9.1	Ba Tơ (mở rộng)	V	IV*	Thị trấn	
9.2	Ba Động	-	V*	Xã	
9.3	Ba Vì	-	V	Xã	Thị trấn
10	**Sơn Hà****				
10.1	Di Lăng (mở rộng)	IV*	IV*	Thị trấn	
10.2	Sơn Hạ	-	V*	Xã	
11	**Sơn Tây**				
	Sơn Tây (Sơn Dung - Sơn Mùa)	V	V	Xã	Thị trấn
12	**Minh Long**				
	Minh Long (Long Hiệp)	V	V	Thị trấn	
13	**Lý Sơn**	**IV***	**IV**		

Ghi chú:

*- * Đạt một số tiêu chí cơ bản của loại đô thị;*

*- ** Khu vực phấn đấu trở thành đô thị loại IV trong giai đoạn sau năm 2030, với khu vực nội thị là các đô thị hiện hữu và mở rộng các xã lân cận;*

- Phạm vi, ranh giới dự kiến của các đô thị được xác định cụ thể trong nhiệm vụ lập quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng vùng huyện theo quy định của pháp luật;

- Việc phân loại đô thị phải đảm bảo phù hợp với Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia. Trong quá trình xây dựng phát triển đô thị, nếu các đô thị đạt tiêu chí phân loại đô thị sớm hơn định hướng thì thực hiện thủ tục đánh giá, công nhận phân loại đô thị tại thời điểm đánh giá đạt các tiêu chí phân loại đô thị theo quy định của pháp luật./.

Phụ lục II

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH QUẢNG NGÃI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Dự kiến diện tích quy hoạch (ha)
	TỔNG CỘNG		**6.648,0**
I	**Các khu công nghiệp đã thành lập tiếp tục duy trì, phát triển**		**2.555,0**
1	Khu công nghiệp Quảng Phú	TP. Quảng Ngãi	74,5
2	Khu công nghiệp phía Tây (KCN Tây Dung Quất; KCN-ĐT-DV Dung Quất I)	Huyện Bình Sơn	500,0
3	Khu công nghiệp Đông Dung Quất	Huyện Bình Sơn	1.933,0
4	Khu công nghiệp Phổ Phong	TX. Đức Phổ	47,5
II	**Các khu công nghiệp đã thành lập, dự kiến được mở rộng hoặc phát triển mới**		**1.312,0**
1	Khu công nghiệp Bình Hòa - Bình Phước (KCN Bình Hòa - Bình Phước I; KCN Bình Hòa - Bình Phước II)	Huyện Bình Sơn	592,0
2	Khu công nghiệp Tịnh Phong (KCN Tịnh Phong hiện hữu; KCN VSIP)	TP. Quảng Ngãi; Huyện Sơn Tịnh	720,0
III	**Các khu công nghiệp dự kiến thành lập mới khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật**		**2.781,0**
1	Khu công nghiệp Dung Quất II (thuộc Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Dung Quất II)	Các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh	765,0

STT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Dự kiến diện tích quy hoạch (ha)
2	Khu công nghiệp Bình Thanh (thuộc KCN - ĐT- DV Bình Thanh)	Huyện Bình Sơn	1.399,0
3	KCN Bình Long	Huyện Bình Sơn	341,0
4	KCN An Phú (thuộc KCN, đô thị và dịch vụ An Phú)	Huyện Tư Nghĩa	276,0

Ghi chú:

- Tùy vào tiến độ đầu tư và khả năng thu hút đầu tư của từng dự án, sẽ phân bổ diện tích đất phù hợp đảm bảo phát huy hiệu quả đầu tư.

- Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các khu công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư./.

Phụ lục III

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CỤM CÔNG NGHIỆP TỈNH QUẢNG NGÃI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Dự kiến diện tích quy hoạch (ha)
	TỔNG CỘNG		**1.303**
A	**Các cụm công nghiệp đã thành lập tiếp tục duy trì và dự kiến mở rộng**		**566**
I	**Tiếp tục duy trì**		
1	CCN Bình Nguyên	Huyện Bình Sơn	30
2	CCN Tịnh Bắc	Huyện Sơn Tịnh	30
3	CCN La Hà	Huyện Tư Nghĩa	30
4	CCN Quán Lát	Huyện Mộ Đức	33
5	CCN Thạch Trụ	Huyện Mộ Đức	20
6	CCN Thị trấn Mộ Đức	Huyện Mộ Đức	31
7	CCN Đồng Làng	Thị xã Đức Phổ	34
8	CCN Phổ Hòa	Thị xã Đức Phổ	4
9	CCN Phổ Phong	Thị xã Đức Phổ	17
10	CCN Sa Huỳnh	Thị xã Đức Phổ	4
11	CCN Ba Động	Huyện Ba Tơ	25
12	CCN Đồng Dinh	Huyện Nghĩa Hành	30
13	CCN thị trấn Trà Xuân	Huyện Trà Bồng	10
II	**Dự kiến mở rộng**		
1	CCN Bình Long	Huyện Bình Sơn	75
2	CCN An Sơn - Đức Lân	Huyện Mộ Đức	75
3	CCN Hành Đức - Hành Minh	Huyện Nghĩa Hành	70
4	CCN Sơn Hạ	Huyện Sơn Hà	48

STT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Dự kiến diện tích quy hoạch (ha)
B	**Các cụm công nghiệp dự kiến thành lập mới**		**737**
I	**Các cụm công nghiệp đã có trong quy hoạch giai đoạn trước, giữ nguyên quy mô**		
1	CCN Bình Mỹ	Huyện Bình Sơn	50
2	CCN hậu cần nghề cá Bình Chánh	Huyện Bình Sơn	15
3	CCN Bình Thọ	Huyện Sơn Tịnh	70
II	**Các cụm công nghiệp đã có trong quy hoạch giai đoạn trước, dự kiến mở rộng**		
1	CCN Bình Khương	Huyện Bình Sơn	43
2	CCN Núi Dâu	Thị xã Đức Phổ	75
3	CCN Ba Dinh	Huyện Ba Tơ	18
4	CCN Đồi Sim	Huyện Trà Bồng	5
III	**Các cụm công nghiệp quy hoạch mới**		
1	CCN Bình Long 1	Huyện Bình Sơn	70
2	CCN Bình Thọ 1	Huyện Sơn Tịnh	70
3	CCN Tịnh Phong	Huyện Sơn Tịnh	75
4	CCN Mỹ Trang	Thị xã Đức Phổ	75
5	CCN Đồng Xe	Thị xã Đức Phổ	70
6	CCN Ba Vì	Huyện Ba Tơ	20
7	CCN Sơn Hải	Huyện Sơn Hà	10
8	CCN Sơn Thượng	Huyện Sơn Hà	12
9	CCN Sơn Thủy	Huyện Sơn Hà	20
10	CCN Sơn Trung	Huyện Sơn Hà	14
11	CCN xã Trà Thủy	Huyện Trà Bồng	15
12	CCN xã Trà Bình	Huyện Trà Bồng	10
13	Các CCN khác thành lập mới khi đủ điều kiện	Các địa phương trên địa bàn tỉnh	

Ghi chú: *Tên, vị trí, quy mô, diện tích và phạm vi ranh giới các cụm công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư./.*

Phụ lục IV

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN TUYẾN ĐƯỜNG BỘ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên đường	Dự kiến điểm đầu	Dự kiến điểm cuối	Ghi chú
A	**CAO TỐC**			
I	**Các tuyến hiện có**			
	Tuyến cao tốc Bắc Nam phía Đông (CT.01)			
	Đoạn Đà Nẵng - Quảng Ngãi	Huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	
II	**Các tuyến quy hoạch mới**			
1	Tuyến cao tốc Bắc Nam phía Đông (CT.01)			
	Đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn (Bình Định)	Huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	Huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	
2	Tuyến cao tốc Quảng Nam - Quảng Ngãi (CT22)	Huyện Bình Sơn	Ranh tỉnh Quảng Nam	
III	**Các tuyến tiềm năng nghiên cứu, đề xuất bổ sung, triển khai khi đủ điều kiện**			
	Tuyến cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum	Thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Đang đề nghị bổ sung vào

TT	Tên đường	Dự kiến điểm đầu	Dự kiến điểm cuối	Ghi chú
				quy hoạch mạng lưới đường bộ quốc gia
B	**QUỐC LỘ**			
I	**Các tuyến hiện hữu**			
1	QL.1	Ranh tỉnh Quảng Nam	Ranh tỉnh Bình Định	
2	QL.24	Huyện Mộ Đức	Ranh tỉnh Kon Tum	
3	Đường Trường Sơn Đông	Ranh tỉnh Quảng Nam	Ranh tỉnh Kon Tum	
4	QL.24B	Cảng Sa Kỳ	Huyện Ba Tơ, Quảng Ngãi	
5	QL.24C	Cảng Dung Quất	Ranh tỉnh Quảng Nam	
II	**Các tuyến Quy hoạch**			
1	QL.19B	Ranh tỉnh Bình Định	Huyện Ba Tơ	
2	QL.24D	Huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	Ranh tỉnh Kon Tum	
C	**ĐƯỜNG TỈNH**			
I	**Các tuyến hiện có**			
1	ĐT.621	Huyện Bình Sơn	Huyện Bình Sơn	

TT	Tên đường	Dự kiến điểm đầu	Dự kiến điểm cuối	Ghi chú
2	ĐT.623	Huyện Sơn Hà	Huyện Sơn Tây	
3	ĐT.623B	Thành phố Quảng Ngãi	Huyện Sơn Hà	
4	ĐT.624	Thành phố Quảng Ngãi	Huyện Ba Tơ	
5	ĐT.624B	Huyện Mộ Đức	Huyện Nghĩa Hành	
6	ĐT.626	Huyện Sơn Hà	Huyện Trà Bồng	
7	ĐT.627	Ranh giới tỉnh Quảng Nam	Ranh tỉnh Bình Định	
8	ĐT.627B	Huyện Mộ Đức	Thị xã Đức Phổ	
9	ĐT.628	Huyện Tư Nghĩa	Huyện Sơn Hà	
II	**Các tuyến kéo dài**			
1	ĐT.622B	Huyện Bình Sơn	Huyện Trà Bồng	
2	ĐT.622C	Thành phố Quảng Ngãi	Huyện Trà Bồng	
3	ĐT.624C	Huyện Mộ Đức	Huyện Nghĩa Hành	
III	**Các tuyến mở mới**			
1	ĐT.621C	Huyện Bình Sơn	Huyện Mộ Đức	
2	ĐT.621D	Huyện Bình Sơn	Thị xã Đức Phổ	
3	ĐT.622	Huyện Bình Sơn	Huyện Nghĩa Hành	
4	ĐT.622D	Huyện Sơn Tịnh	Huyện Trà Bồng	
5	ĐT.624D	Huyện Tư Nghĩa	Huyện Mộ Đức	
6	ĐT.624E	Huyện Bình Sơn	Huyện Tư Nghĩa	
7	ĐT.626B	Huyện Sơn Hà	Huyện Sơn Tây	

TT	Tên đường	Dự kiến điểm đầu	Dự kiến điểm cuối	Ghi chú
8	ĐT.627D	Huyện Ba Tơ	Ranh tỉnh Bình Định	
9	ĐT.623D	Huyện Sơn Hà	Huyện Sơn Tây	
10	ĐT.623C	Huyện Sơn Hà	Huyện Ba Tơ	
11	ĐT.625	Huyện Nghĩa Hành	Huyện Ba Tơ	
12	ĐT.627C	Thị xã Đức Phổ	Huyện Ba Tơ	
13	ĐT.621B	Huyện Bình Sơn	Huyện Trà Bồng	
14	Các tuyến đường bộ khác theo nhu cầu phát triển của tỉnh	Các huyện, thị xã, thành phố	Các huyện, thị xã, thành phố	

Ghi chú:

- Danh mục tuyến đường bộ trên địa bàn tỉnh bao gồm các tuyến đường tại Phụ lục này và một số tuyến đường khác nghiên cứu đầu tư, thực hiện theo nhu cầu phát triển của tỉnh; quy mô thực tế sẽ được tính toán trong quá trình đầu tư; tên, diện tích và phạm vi ranh giới các tuyến sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư.

- Đối với các đoạn đường qua đô thị, khu chức năng thì quy mô xây dựng thực hiện theo quy hoạch đô thị; đối với các tuyến đường trục trong Khu kinh tế Dung Quất được thực hiện theo Quyết định số 168/QĐ-TTg ngày 28/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045./.

Phụ lục V

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên tuyến dự kiến	Chiều dài dự kiến	Cấp kỹ thuật
1	Tuyến Sa Kỳ - Lý Sơn	32	Cấp II
2	Tuyến sông Trà Bồng		
-	*Đoạn Châu Ô - Sa Cần*	10,1	Cấp IV
-	*Đoạn Châu Ô - Thủy điện Cà Đú*	21	Cấp V
3	Tuyến sông Kinh Giang	19	Cấp IV
4	Tuyến Đảo Lớn - Đảo Bé	8	Cấp III
5	Tuyến sông Trà Khúc		
-	*Đoạn hạ lưu đập dâng sông Trà Khúc - Cửa Đại*	10	Cấp IV
-	*Đoạn thượng lưu cầu và đường nối vào khu Đảo Ngọc - đập Thạch Nham*	20	Cấp IV - V
6	Tuyến sông Vệ	29	Cấp V
7	Tuyến sông Trà Câu	11	Cấp V
8	Tuyến sông Thoa - sông Trường	32	Cấp VI
9	Tuyến Vạn Tường - Lý Sơn	28	Cấp III
10	Tuyến Tịnh Khê - Lý Sơn	32	Cấp III
11	Tuyến Tịnh Khê - Vạn Tường	30	Cấp III
12	Tuyến Tịnh Khê - Sa Huỳnh	60	Cấp III
13	10 Tuyến hồ Đắcđrink (Đăk Lang - Huy Ra Lung; Đăk Lang - Nước Vương; Đăk Lang - Đăk Nên; Huy Ra Lung - Ra Manh; Huy Ra Lung - Nước Vương; Huy Ra Lung - Đăk Nên; Ra Manh - Đăk Lang; Ra Manh - Nước Vương; Ra Manh - Đăk Nên; Nước Vương - Đăk Nên)		

STT	Tên tuyến dự kiến	Chiều dài dự kiến	Cấp kỹ thuật
14	Tuyến Trà Xinh - Sơn Bao (hồ Nước Trong)		
15	Tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo Đà Nẵng - Lý Sơn		
16	Tuyến hành lang ven biển từ Quảng Ninh đến Kiên Giang qua địa bàn tỉnh Quảng Ngãi		
17	Các tuyến vận tải thủy khác phục vụ vận tải hàng hóa và phục vụ du lịch của địa phương		

Ghi chú:

- Danh mục tuyến đường thủy nội bộ trên địa bàn tỉnh bao gồm các tuyến đường tại Phụ lục này và một số tuyến đường khác nghiên cứu đầu tư, thực hiện theo nhu cầu phát triển của tỉnh;

- Quy mô thực tế sẽ được tính toán trong quá trình đầu tư; tên, diện tích và phạm vi ranh giới các tuyến sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư./.

Phụ lục VI.1

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CẤP ĐIỆN TỈNH QUẢNG NGÃI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. DANH MỤC DỰ ÁN QUAN TRỌNG, ƯU TIÊN ĐẦU TƯ ĐƯỢC XÁC ĐỊNH TRONG QUY HOẠCH ĐIỆN VIII

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Dự kiến địa điểm	Dự kiến quy mô, công suất	
				Hiện trạng	Quy hoạch
I	**Danh mục phát triển nguồn điện**				
a	**Nhiệt điện**				
1	Nhà máy điện khí Dung Quất I	MW	Huyện Bình Sơn		750
2	Nhà máy điện khí Dung Quất II	MW	Huyện Bình Sơn		750
3	Nhà máy điện khí Dung Quất III	MW	Huyện Bình Sơn		750
4	NĐ Khí dư Hòa phát II	MW	Huyện Bình Sơn		300
b	**Điện mặt trời xem xét sau năm 2030, được triển khai trong kỳ quy hoạch nếu thực hiện theo hình thức tự sản, tự tiêu**				
	ĐMT Đầm Nước Mặn	MW	Thị xã Đức Phổ		40
II	**Lưới điện 500kV**				
a	**Trạm biến áp**				
1	Xây mới Trạm biến áp 500kV Dung Quất	MVA	Huyện Bình Sơn		900
2	Nâng công suất Trạm biến áp 500kV Dốc Sỏi	MVA	Huyện Bình Sơn	600	1.200
b	**Đường dây**				
1	Xây mới đường dây 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi	mạch x km	Huyện Bình Sơn		2x500

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Dự kiến địa điểm	Dự kiến quy mô, công suất	
				Hiện trạng	Quy hoạch
2	Xây mới đường dây 500kV TBKHH Dung Quất - Dốc Sỏi	mạch x km	Huyện Bình Sơn		2x8
3	Xây mới đường dây 500kV TBKHH Dung Quất - Bình Định	mạch x km	Các huyện, thị xã, thành phố dọc Quốc lộ 1		2x200
4	Xây mới mạch 2 và cải tạo mạch 1 đường dây 500kV Đà Nẵng - Dốc Sỏi	mạch x km	Huyện Bình Sơn		2x100
III	**Lưới điện 220KV**				
a	**Trạm biến áp**				
1	Xây mới Trạm biến áp 220kV Dung Quất 2	MVA	Huyện Bình Sơn		500
2	Cải tạo nâng công suất trạm biến áp 220kV Dốc Sỏi	MVA	Huyện Bình Sơn	250	500
3	Xây mới Trạm biến áp 220kV Quảng Ngãi 2	MVA	Huyện Sơn Tịnh		250
4	Cải tạo thanh cái 220kV trạm Dốc Sỏi		Huyện Bình Sơn		
5	Cải tạo nâng công suất trạm biến áp 220kV thủy điện Nước Long	MVA	Huyện Ba Tơ	100	100+75
b	**Đường dây**				
1	Treo mạch 2 đường dây 220kV Quảng Ngãi - Quy Nhơn (Phước An)	mạch x km	Huyện Mộ Đức, thị xã Đức Phổ	1x142	2x142
2	Nâng khả năng tải đường dây 220kV Dốc Sỏi - Dung Quất	mạch x km	Huyện Bình Sơn	1x8	2x8

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Dự kiến địa điểm	Dự kiến quy mô, công suất	
				Hiện trạng	Quy hoạch
3	Xây mới đường dây 220kV TBKHH Dung Quất - Dung Quất 2	mạch x km	Huyện Bình Sơn		2x3
4	Xây mới đường dây 220kV TBKHH Dung Quất - Rẽ Dốc Sỏi - Dung Quất	mạch x km	Huyện Bình Sơn		4x3
5	Treo dây mạch 2 đường dây 220kV Dốc Sỏi - Quảng Ngãi	mạch x km	Các huyện: Bình Sơn; Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức	1x59	2x59
6	Cụm TĐ Nước Long - Rẽ Thượng Kon Tum - Quảng Ngãi	mạch x km	Huyện Ba Tơ		2x4
7	Nâng khả năng tải Đà Nẵng - Tam Kỳ - Dốc Sỏi	mạch x km	Huyện Bình Sơn		2x100
8	Dung Quất - Dung Quất 2	mạch x km	Huyện Bình Sơn		2x3
9	Quảng Ngãi 2 - Rẽ Dốc Sỏi - Quảng Ngãi	mạch x km	Các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh		4x2

B. DANH MỤC DỰ ÁN NGUỒN ĐIỆN ĐÃ CÓ QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

I	**Dự án đang triển khai thi công xây dựng, dự kiến điều chỉnh quy mô, công suất trong thời kỳ quy hoạch**					
1	Thủy điện Long Sơn	MW	Huyện Sơn Hà		18	Quy hoạch cũ 10,6MW
2	Thủy điện Trà Khúc 2	MW	Huyện Sơn Hà		36	Quy hoạch cũ 30MW

3	Thủy điện Sông Liên 2	MW	Huyện Ba Tơ		14,4	Quy hoạch cũ 12MW
II	**Dự án chuẩn bị triển khai thi công, dự kiến điều chỉnh quy mô, công suất trong thời kỳ quy hoạch**					
1	Thủy điện Sơn Nham	MW	Huyện Sơn Hà		9	Quy hoạch cũ 6,8MW
2	Thủy điện Sơn Linh	MW	Huyện Sơn Hà		15	Quy hoạch cũ 7MW
III	**Dự án đã vận hành, đang xin điều chỉnh nâng công suất trong thời kỳ quy hoạch**					
1	Nhà máy thủy điện Hà Nang	MW	Huyện Trà Bồng	11	26	
2	Nhà máy thủy điện Nước Trong (thủy lợi kết hợp thủy điện)	MW	Huyện Sơn Hà	16,5	23,5	Thủy lợi kết hợp thủy điện
3	Nhà máy thủy điện Núi Ngang (thủy lợi kết hợp thủy điện)	MW	Huyện Ba Tơ	0,7	2	Thủy lợi kết hợp thủy điện
IV	**Dự án đã được phê duyệt quy hoạch, chuẩn bị thực hiện lựa chọn nhà đầu tư**					
1	Thủy điện Đăkre 1A	MW	Huyện Ba Tơ		15	Quy hoạch trước đây 9MW
2	Thủy điện Đăkre 3	MW	Huyện Ba Tơ		24	Quy hoạch trước đây 16,5MW
3	Thủy điện Sơn Màu 1,2	MW	Huyện Sơn Tây		15	
4	Thủy điện Trà Phong 1C	MW	Huyện Trà Bồng		13,6	
5	Thủy điện Trà Lãnh	MW	Huyện Trà Bồng		5	

C. DANH MỤC TRẠM BIẾN ÁP VÀ LƯỚI ĐIỆN 110KV

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Địa điểm dự kiến	Quy mô, công suất dự kiến		Ghi chú
				Hiện trạng	Quy hoạch	
I	**Trạm biến áp**					
1	Cải tạo nâng công suất trạm biến áp Bình Chánh	MVA	Huyện Bình Sơn	25	25+40	
2	Cải tạo nâng công suất trạm biến áp Bình Nguyên	MVA	Huyện Bình Sơn	25	25+40	
3	Cải tạo nâng công suất trạm biến áp Cảng Dung Quất	MVA	Huyện Bình Sơn	40	40+63	
4	Cải tạo nâng công suất trạm biến áp Đức Phổ	MVA	Thị xã Đức Phổ	25	25+40	
5	Cải tạo nâng công suất trạm biến áp Dung Quất (178)	MVA	Huyện Bình Sơn	2x25	25+63	
6	Cải tạo nâng công suất trạm biến áp Mộ Đức	MVA	Huyện Mộ Đức	2x25	25+63	
7	Cải tạo nâng công suất trạm biến áp Quảng Ngãi	MVA	Tp. Quảng Ngãi	40+63	2x63	
8	Cải tạo nâng công suất trạm biến áp Quảng Phú	MVA	TP. Quảng Ngãi	25+40	40+63	
9	Cải tạo nâng công suất trạm biến áp Sơn Hà (nối cấp)	MVA	Huyện Sơn Hà	25+40	2x63	
10	Cải tạo nâng công suất trạm biến áp Thép Hòa Phát	MVA	Huyện Bình Sơn	500	600	
11	Cải tạo nâng công suất trạm biến áp Tịnh Phong	MVA	Huyện Sơn Tịnh	2x40	2x63	
12	Cải tạo nâng công suất trạm biến áp Tư Nghĩa	MVA	Huyện Tư Nghĩa	25	2x25	

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Địa điểm dự kiến	Quy mô, công suất dự kiến		Ghi chú
				Hiện trạng	Quy hoạch	
13	Cải tạo nâng công suất trạm biến áp VSIP	MVA	Huyện Bình Sơn	2x40	2x63	
14	Xây dựng mới trạm biến áp Ba Tơ	MVA	Huyện Ba Tơ		40	GĐ 1: 25MVA; GĐ 2: nâng công suất lên 40MVA
15	Xây dựng mới trạm biến áp Bình Phước	MVA	Huyện Bình Sơn		40	
16	Xây dựng mới trạm biến áp Dung Quất 2	MVA	Huyện Bình Sơn		40	
17	Xây dựng mới trạm biến áp Dung Quất 3 và đường dây 110kV 2 mạch AC-300 đấu nối chuyển tiếp trên tuyến Dung Quất - Dung Quất 2	MVA	Huyện Bình Sơn		40	Bao gồm đường dây đấu nối 110kV 2 mạch x 0,5km
18	Xây dựng mới trạm biến áp KĐT CN Dung Quất	MVA	Huyện Bình Sơn		63	
19	Xây dựng mới trạm biến áp Mỹ Khê	MVA	Huyện Sơn Tịnh		25	
20	Xây dựng mới trạm biến áp Nghĩa Hà	MVA	Huyện Tư Nghĩa		25	
21	Xây dựng mới trạm biến áp Nghĩa Hành	MVA	Huyện Nghĩa Hành		25	
22	Xây dựng mới trạm biến áp Quảng Ngãi 2	MVA	Tp. Quảng Ngãi		63	

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Địa điểm dự kiến	Quy mô, công suất dự kiến		Ghi chú
				Hiện trạng	Quy hoạch	
23	Xây dựng mới trạm biến áp Quảng Ngãi 3 và đường dây 110kV 2 mạch AC-400 đấu nối chuyển tiếp trên tuyến Dốc Sỏi - Quảng Ngãi	MVA	Tp. Quảng Ngãi		63	Bao gồm đường dây đấu nối 110kV 2 mạch x 1km
24	Xây dựng mới trạm biến áp Tây Dung Quất và đường dây 110kV 2 mạch AC-300 đấu nối chuyển tiếp trên tuyến Dốc Sỏi - Bình Chánh	MVA	Huyện Bình Sơn		63	Bao gồm đường dây đấu nối 110kV 2 mạch x 2,5km
25	Xây dựng mới trạm biến áp Thép Hòa Phát 2	MVA	Huyện Bình Sơn		800	GĐ1 600MVA; GĐ2 nâng công suất lên 800MVA
26	Xây dựng mới trạm biến áp Thép Hòa Phát 3 và đường dây 110kV 2 mạch AC-400 đấu nối trạm Thép Hòa phát 2	MVA	Huyện Bình Sơn		600	Bao gồm đường dây đấu nối 110kV 2 mạch x 2km
27	Xây dựng mới trạm biến áp Phổ Minh	MVA	Thị xã Đức Phổ		25	
28	Xây dựng mới trạm biến áp thị trấn Mộ Đức và đường dây	MVA	Huyện Mộ Đức		40	Bao gồm đường dây đấu

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Địa điểm dự kiến	Quy mô, công suất dự kiến		Ghi chú
				Hiện trạng	Quy hoạch	
	110kV 2 mạch AC-240 đấu nối chuyển tiếp trên ĐD 110kV Quảng Ngãi 220kV - Quảng Ngãi					nối 110kV 2 mạch x 1km
29	Xây dựng mới trạm biến áp Trà Bồng	MVA	Huyện Trà Bồng		40+25	GĐ1 1x40 MVA; GĐ2 nâng công suất lên (40+25) MVA
30	Xây dựng mới trạm biến áp VNT	MVA	Huyện Bình Sơn		40	
31	Xây dựng mới trạm biến áp VSIP 2 và đường dây 110kV đấu nối 2 mạch AC-400	MVA	Huyện Sơn Tịnh		63	Bao gồm đường dây đấu nối 110kV 2 mạch x 1km
32	Xây dựng mới trạm biến áp VSIP 3 và đường dây 110kV đấu nối 2 mạch AC-400	MVA	Huyện Sơn Tịnh		63	Bao gồm đường dây đấu nối 110kV 2 mạch x 2km
33	Xây dựng mới trạm biến áp VSIP 4 và đường dây 110kV đấu nối 2 mạch AC-400	MVA	Huyện Sơn Tịnh		63	Bao gồm đường dây đấu nối

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Địa điểm dự kiến	Quy mô, công suất dự kiến		Ghi chú
				Hiện trạng	Quy hoạch	
						110kV 2 mạch x 1km
34	Xây dựng mới trạm biến áp VSIP 5 và đường dây 110kV đấu nối 2 mạch AC-400	MVA	Huyện Bình Sơn		63	Bao gồm đường dây đấu nối 110kV 2 mạch x 1km
35	Xây dựng mới trạm biến áp VSIP 6 và đường dây 110kV đấu nối 2 mạch AC-400	MVA	Huyện Bình Sơn		63	Bao gồm đường dây đấu nối 110kV 2 mạch x 1km
36	Xây dựng mới trạm biến áp Nhà máy lọc dầu Dung Quất	MVA	Huyện Bình Sơn		2x63	
37	Xây dựng các trạm biến áp và đường dây đấu nối nguồn điện theo quy hoạch quốc gia.	MVA	Toàn tỉnh		Dự kiến 300MVA	Theo nhu cầu
38	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Các huyện, thị xã, thành phố			Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án thay thế, lắp đặt thiết bị; mở rộng ngăn lộ

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Địa điểm dự kiến	Quy mô, công suất dự kiến		Ghi chú
				Hiện trạng	Quy hoạch	
						TBA, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ theo hướng linh hoạt; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống tự động hóa trạm…
II	**Đường dây**					
1	Xây dựng 2 mạch AC-185 Bình Nguyên - Trà Bồng	mạch x km	Các huyện: Bình Sơn; Trà Bồng		2x28	
2	Xây dựng 1 mạch AC-185 Dung Quất 220 - VNT	mạch x km	Huyện Bình Sơn		1x5	
3	Xây dựng 2 mạch AC-300 Dung Quất 220 - Dung Quất 2	mạch x km	Huyện Bình Sơn		2x15	
4	Xây dựng 2 mạch AC-400 đấu nối trạm Mỹ Khê	mạch x km	Tp. Quảng Ngãi		2x8,5	
5	Xây dựng 2 mạch AC-240 Đấu nối trạm Nghĩa Hà (Đấu chuyển tiếp trên ĐD 110kV Quảng Ngãi 220 - Quảng Ngãi)	mạch x km	Tp. Quảng Ngãi; huyện Tư Nghĩa		2x6	

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Địa điểm dự kiến	Quy mô, công suất dự kiến		Ghi chú
				Hiện trạng	Quy hoạch	
6	Xây dựng 2 mạch AC-400+XLPE1200 đấu nối trạm Quảng Ngãi 2 (Chuyển tiếp trên ĐD 110kV Dốc Sỏi - Quảng Ngãi)	mạch x km	Tp. Quảng Ngãi; huyện Sơn Tịnh		2x3	
7	Xây dựng 2 mạch AC-185 Quảng Ngãi (220kV) - Nghĩa Hành	mạch x km	Các huyện: Mộ Đức; Nghĩa Hành		2x20	
8	Xây dựng 2 mạch AC-240 đấu nối TBA 110kV Ba Tơ (Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Quảng Ngãi 220- TĐ Đăkre	mạch x km	Huyện Ba Tơ		2x0,5	
9	Xây dựng 2 mạch AC-240 đấu nối TBA 110kV Phổ Minh (Đấu chuyển tiếp trên ĐD 110kV Quảng Ngãi 220kV - Đức Phổ)	mạch x km	Thị xã Đức Phổ		2x2	
10	Xây dựng 2 mạch AC-185 Sơn Hà (220kV) - TĐ Trà Phong	mạch x km	Các huyện: Sơn Hà; Trà Bồng		2x17	Giai đoạn 1 treo dây 1 mạch
11	Xây dựng 1 mạch AC-185 TĐ Trà Phong - TĐ Tây Trà 1,2,3	mạch x km	Huyện Trà Bồng		1x2,5	

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Địa điểm dự kiến	Quy mô, công suất dự kiến		Ghi chú
				Hiện trạng	Quy hoạch	
12	Xây dựng 1 mạch AC-300 Sơn Hà (220kV) - TĐ Trà Khúc 1	mạch x km	Huyện Sơn Hà		1x11	
13	Xây dựng 1 mạch AC-185 TĐ Trà Khúc 2 - TĐ Trà Khúc 1	mạch x km	Huyện Sơn Hà		1x8	
14	Xây dựng 1 mạch AC-240 TĐ Nam Vao (Kon Tum) - TĐ Đăkđrinh	mạch x km	Huyện Sơn Tây		1x20,45	
15	Xây dựng 2 mạch ACCC-315 (dây dẫn siêu nhiệt) thép Hòa Phát - thép Hòa Phát 2	mạch x km	Huyện Bình Sơn		2x3	
16	Xây dựng 2 mạch AC-300 Dung Quất (220kV) - Dung Quất (110kV)	mạch x km	Huyện Bình Sơn		2x0,6	
17	Xây dựng 2 mạch AC-2x400 Dung Quất 2 (220kV) - thép Hòa Phát 2	mạch x km	Huyện Bình Sơn		2x1	
18	Xây dựng 1 mạch AC-185 + trạm cắt thủy điện Ba Nam (Đấu chuyển tiếp trên ĐD 110kV TĐ Đăkre - Quảng Ngãi 220kV)	mạch x km	Huyện Ba Tơ		1x19	
19	Cải tạo nâng tiết diện dây dẫn AC-2x240 đường dây 110kV TĐ Đăkre - Quảng Ngãi 220kV (Đoạn từ Trạm cắt thủy điện Ba Nam - Quảng Ngãi 220kV)	mạch x km	Các huyện: Ba Tơ, Mộ Đức		1x30	

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Địa điểm dự kiến	Quy mô, công suất dự kiến		Ghi chú
				Hiện trạng	Quy hoạch	
20	Xây dựng 2 mạch AC-300 Dốc Sỏi - Bình Phước	mạch x km	Huyện Bình Sơn		2x10	
21	Xây dựng 1 mạch AC-400 Quảng Ngãi 2(220kV) - VSIP 3	mạch x km	Tp. Quảng Ngãi; Huyện Sơn Tịnh		2x2	
22	Xây dựng 4 mạch AC-400 đấu nối 110kV sau TBA 220kV Quảng Ngãi 2 (Đấu chuyển tiếp trên mạch kép ĐZ Dốc Sỏi - Quảng Ngãi 220, sử dụng ĐZ đấu nối VSIP 3 hiện có)	mạch x km	Tp. Quảng Ngãi; huyện Sơn Tịnh		4x4	
23	Xây dựng 2 mạch AC-300 đấu nối TBA 110kV Khu ĐT CN Dung Quất (Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Dung Quất 220 - Dốc Sỏi 220)	mạch x km	Huyện Bình Sơn		2x1,5	
24	Cải tạo thay dây 2 mạch AC-300 tuyến đường dây 110kV Dung Quất 220 - Dốc Sỏi 220	mạch x km	Huyện Bình Sơn		2x11	
25	Xây dựng mới đường dây 110kV AC300 Nhà máy lọc dầu Dung Quất - TBA 220kV Dung Quất	mạch x km	Huyện Bình Sơn		2x5	

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Địa điểm dự kiến	Quy mô, công suất dự kiến		Ghi chú
				Hiện trạng	Quy hoạch	
26	Cải tạo nâng tiết diện ĐZ 110kV 2 mạch (AC400 và ACCC277) Bình Nguyên - Quảng Ngãi	mạch x km	Tp. Quảng Ngãi; huyện Bình Nguyên		2x26	
27	Cải tạo nâng tiết diện ĐZ 110kV 2 mạch AC-240 TBA 220kV Quảng Ngãi - Quảng Ngãi (Núi Bút)	mạch x km	Tp. Quảng Ngãi; huyện Sơn Tịnh		2x27	
28	Xây dựng mới các tuyến đường dây phục vụ đấu nối nguồn điện theo quy hoạch quốc gia	mạch x km	Toàn tỉnh		Dự kiến 100km	Theo nhu cầu

Ghi chú:

- Việc đầu tư các dự án phải đảm bảo phù hợp với Quy hoạch và kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII) và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tên, vị trí, quy mô, công suất của các dự án sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn lập kế hoạch thực hiện quy hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư dự án.

- Các dự án thủy điện đã vận hành, đang triển khai thi công, chuẩn bị triển khai thi công chỉ được điều chỉnh quy mô, công suất khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Việc đầu tư các dự án thủy điện đã được phê duyệt quy hoạch phải được xem xét đánh giá kỹ lưỡng về tác động môi trường, đời sống dân sinh, diện tích chiếm đất,...; phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước,... và các quy định khác có liên quan./.

Phụ lục VI.2

NGUỒN ĐIỆN TIỀM NĂNG

CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Dự kiến địa điểm	Dự kiến quy mô, công suất	
				Hiện trạng	Quy hoạch
I	**Thủy điện**				**149**
1	Thủy điện Nước Long A	MW	Huyện Ba Tơ		25
2	Thủy điện Ba Nam	MW	Huyện Ba Tơ		42
3	Thủy điện Sơn Trà 1D	MW	Huyện Sơn Hà		10
4	Thủy điện Long Sơn A	MW	Huyện Sơn Hà		10
5	Thủy điện Nước Long 1A	MW	Huyện Ba Tơ và huyện Kon Plong, tỉnh Kontum		20
6	Thủy điện Đắk Lô 5	MW	Huyện Sơn Tây và huyện Kon Plong, tỉnh Kontum		12
7	Thủy điện Thượng Sông vệ (thủy lợi kết hợp thủy điện)	MW	Huyện Ba Tơ		12
8	Các dự án thủy lợi kết hợp thủy điện	MW	Huyện Ba Tơ		18
II	**Nhiệt điện rác**				**40**
1	Điện rác Khu liên hợp xử lý chất thải tổng hợp	MW	Các huyện: Sơn Tịnh, Bình Sơn		25
2	Điện rác Tư Nghĩa	MW	Huyện Tư Nghĩa		15
III	**Điện gió trên bờ**				**383**
1	Bùi Hui	MW	Huyện Ba Tơ		120

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Dự kiến địa điểm	Dự kiến quy mô, công suất	
				Hiện trạng	Quy hoạch
2	Sa Huỳnh	MW	Thị xã Đức Phổ		50
3	Bình Châu	MW	Huyện Bình Sơn		100
4	Cao nguyên Bùi Hui	MW	Huyện Ba Tơ		65
5	Điện gió xung quanh Nhà máy Lọc hóa Dầu Bình Sơn	MW	Huyện Bình Sơn		48
IV	**Điện mặt trời mái nhà**	MW	Các huyện		**200**
V	**Điện sinh khối**	MW	Các huyện: Tư Nghĩa, Bình Sơn và thị xã Đức Phổ		**100**
VI	**Nhiệt điện khí**				**1.110**
1	Nhà máy điện khí Dung Quất IV	MW	Huyện Bình Sơn		750
2	Nâng công suất Nhà máy Nhiệt điện khí dư Hòa Phát I (Tự dùng)	MW	Huyện Bình Sơn	240	360

Ghi chú: *Các dự án nguồn điện và lưới điện tiềm năng của tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030 chỉ được thực hiện khi bảo đảm phù hợp với Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phù hợp với các điều kiện, tiêu chí, luận chứng theo Quy hoạch điện VIII và được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan./.*

Phụ lục VII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI TỈNH QUẢNG NGÃI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Vị trí khu xử lý	Dự kiến địa điểm	Dự kiến diện tích đến năm 2030 (ha)	Ghi chú
I	**Khu xử lý cấp quốc gia**			
	Khu liên hợp xử lý chất thải tổng hợp Dung Quất	Huyện Sơn Tịnh và huyện Bình Sơn	82	Thành lập mới
II	**Khu xử lý liên tỉnh, vùng tỉnh**			
	Khu xử lý chất thải rắn tại xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn	Huyện Bình Sơn	70	
III	**Khu xử lý liên huyện, vùng huyện**			
1	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ	Huyện Tư Nghĩa và huyện Nghĩa Hành.	137	
2	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn sinh hoạt thị xã Đức Phổ	Thị xã Đức Phổ	18	Thành lập mới

Ghi chú: *Tên, quy mô, địa điểm, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ./.*

Phụ lục VIII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI TỈNH QUẢNG NGÃI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên công trình	Loại công trình	Dự kiến địa điểm
1	Thượng Sông Vệ	Hồ chứa	Huyện Ba Tơ
2	Nước Trong	Hồ chứa	Huyện Sơn Hà
3	Hệ thống thủy lợi hồ Núi Ngang - Liệt Sơn	Hệ thống kênh và hồ chứa	Huyện Ba Tơ, Thị xã Đức Phổ
4	Hệ thống thủy lợi Thạch Nham	Đập dâng và hệ thống các kênh	Huyện Sơn Hà
5	Đê Bình Minh - Bình Trung, đê Châu Ổ (sông Trà Bồng)	Đê sông	Huyện Bình Sơn
6	Đê bờ Bắc, Nam sông Trà Khúc đoạn từ cầu đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi đến Cửa Đại	Đê sông	Huyện: Sơn Tịnh, Tư Nghĩa và thành phố Quảng Ngãi
7	Đê sông Trà Câu (đoạn từ đường sắt Bắc - Nam đến cửa Mỹ Á)	Đê sông	Thị xã Đức Phổ
8	Hệ thống hạ tầng thủy lợi khác	Hồ chứa nước, đập dâng, trạm bơm, đê, kè, kênh,… có tính chất vùng huyện, liên xã và phòng chống thiên tai	Các huyện, thị xã, thành phố

Ghi chú: *Tên, quy mô, địa điểm, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ./.*

Phụ lục IX

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG CẢNG CÁ, KHU NEO ĐẬU TRÁNH TRÚ BÃO TỈNH QUẢNG NGÃI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên cảng cá	Dự kiến địa điểm	Ghi chú
A	**Cảng cá**		
I	**Các dự án đầu tư, nâng cấp sửa chữa**		
1	Cảng cá Lý Sơn loại I	Huyện đảo Lý Sơn	Kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng
2	Cảng cá Sa Huỳnh loại I	Thị xã Đức Phổ	Kết hợp khu neo đậu tránh trú bão
3	Cảng cá Tịnh Hòa loại I	Thành phố Quảng Ngãi	Kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng
4	Cảng cá Sa Kỳ loại II	Thành phố Quảng Ngãi	
5	Cảng cá Sông Trà Bồng loại II	Huyện Bình Sơn	
II	**Các dự án đầu tư, xây mới**		
1	Cảng cá Sa Cần loại II	Huyện Bình Sơn	Kết hợp khu neo đậu tránh trú bão
2	Cảng cá Cổ Lũy loại II	Thành phố Quảng Ngãi	Kết hợp khu neo đậu tránh trú bão
3	Cảng cá Mỹ Á loại II	Thị xã Đức Phổ	Kết hợp khu neo đậu tránh trú bão
4	Cảng cá Đức Lợi loại III	Huyện Mộ Đức	Kết hợp khu neo đậu tránh trú bão
B	**Khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng**		
I	**Các dự án đầu tư, nâng cấp sửa chữa**		

STT	Tên cảng cá	Dự kiến địa điểm	Ghi chú
1	Tịnh Hòa	Thành phố Quảng Ngãi	Kết hợp cảng cá Tịnh Hòa
2	Lý Sơn	Huyện Lý Sơn	Kết hợp cảng cá Lý Sơn
C	**Khu neo đậu tránh trú bão cấp tỉnh**		
I	**Các dự án đầu tư, nâng cấp sửa chữa**		
	Mỹ Á	Thị xã Đức Phổ	Kết hợp cảng cá Mỹ Á
II	**Các dự án đầu tư, xây mới**		
1	Cổ Lũy	Thành phố Quảng Ngãi	Kết hợp cảng cá Cổ Lũy
2	Cửa Sa Cần	Huyện Bình Sơn	Kết hợp cảng cá Sa Cần
3	Cửa Sa Huỳnh	Thị xã Đức Phổ	Kết hợp cảng cá Sa Huỳnh
4	Đức Lợi	Huyện Mộ Đức	Kết hợp cảng cá Đức Lợi

Ghi chú: *Tên, quy mô, địa điểm, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ./.*

Phụ lục X

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH QUẢNG NGÃI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. Khối trường Trung học phổ thông

STT	Tên trường	Địa điểm
I	**Danh mục cơ sở giáo dục đào tạo dự kiến nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị**	
1	Trường THPT Ba Tơ	Huyện Ba Tơ
2	Trường THPT Phạm Kiệt	Huyện Ba Tơ
3	Trường THPT Bình Sơn	Huyện Bình Sơn
4	Trường THPT Trần Kỳ Phong	Huyện Bình Sơn
5	Trường THPT Lê Quý Đôn	Huyện Bình Sơn
6	Trường THPT Vạn Tường	Huyện Bình Sơn
7	Trường THPT Số 1 Đức Phổ	Thị xã Đức Phổ
8	Trường THPT Số 2 Đức Phổ	Thị xã Đức Phổ
9	Trường THPT Lương Thế Vinh	Thị xã Đức Phổ
10	Trường THPT Lý Sơn	Huyện Lý Sơn
11	Trường THPT Minh Long	Huyện Minh Long
12	Trường THPT Phạm Văn Đồng	Huyện Mộ Đức
13	Trường THPT Số 2 Mộ Đức	Huyện Mộ Đức
14	Trường THPT Trần Quang Diệu	Huyện Mộ Đức
15	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Huyện Mộ Đức
16	Trường THPT Số 1 Nghĩa Hành	Huyện Nghĩa Hành
17	Trường THPT Nguyễn Công Phương	Huyện Nghĩa Hành
18	Trường THPT Số 2 Nghĩa Hành	Huyện Nghĩa Hành
19	Trường THPT Sơn Hà	Huyện Sơn Hà
20	Trường THPT Quang Trung	Huyện Sơn Hà
21	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	Huyện Sơn Hà
22	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	Huyện Sơn Tây
23	Trường THPT Ba Gia	Huyện Sơn Tịnh
24	Trường THPT Sơn Mỹ	TP. Quảng Ngãi

STT	Tên trường	Địa điểm
25	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	TP. Quảng Ngãi
26	Trường THPT Lê Trung Đình	TP. Quảng Ngãi
27	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	TP. Quảng Ngãi
28	Trường THPT - DTNT Tỉnh	TP. Quảng Ngãi
29	Trường THPT Chuyên Lê Khiết	TP. Quảng Ngãi
30	Trường THPT Võ Nguyên Giáp	TP.Quảng Ngãi
31	Trường THPT Số 1 Tư Nghĩa	Huyện Tư Nghĩa
32	Trường THPT Số 2 Tư Nghĩa	Huyện Tư Nghĩa
33	Trường THPT Thu Xà	Huyện Tư Nghĩa
34	Trường THPT Chu Văn An	Huyện Tư Nghĩa
35	Trường THPT Trà Bồng	Huyện Trà Bồng
36	Trường THPT Tây Trà	Huyện Trà Bồng
37	Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	Huyện Trà Bồng
38	THPT Tư thục Trương Định	Huyện Sơn Tịnh
39	Thành phố Giáo dục quốc tế IEC Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi
40	THPT Tư thục Hoàng Văn Thụ	TP. Quảng Ngãi
II	**Danh mục cơ sở giáo dục đào tạo dự kiến xây mới**	
1	Trường THPT Tư thục La Hà	Huyện Tư Nghĩa
2	Trường THPT Tư thục Hành Đức	Huyện Nghĩa Hành
3	Các cơ sở giáo dục thành lập mới theo nhu cầu phát triển của tỉnh khi đáp ứng đủ điều kiện	Các huyện, thị xã, thành phố

B. Khối trường Đại học, Cao đẳng

STT	Tên trường	Địa điểm
	Danh mục cơ sở giáo dục đào tạo dự kiến nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết bị	
1	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	TP. Quảng Ngãi
2	Trường Đại học tài chính kế toán Quảng Ngãi	Huyện Tư Nghĩa
3	Trường Đại học công nghiệp TP. Hồ Chí Minh - cơ sở Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi
4	Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm	TP. Quảng Ngãi

Ghi chú: Tên, quy mô, địa điểm, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ./.

Phụ lục XI

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI Y TẾ TỈNH QUẢNG NGÃI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên	Địa điểm dự kiến
A	**Danh mục cơ sở y tế tiếp tục duy trì, dự kiến nâng cấp, mở rộng, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế**	
I	**Tuyến tỉnh**	
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi
2	BV Lao và Bệnh phổi tỉnh Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi
3	Bệnh viện Tâm thần	TP. Quảng Ngãi
4	Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi
5	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi
6	Bệnh viện Mắt tỉnh Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi
7	Bệnh viện đa khoa khu vực Đặng Thùy Trâm	Thị xã Đức Phổ
8	Bệnh viện Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi
9	Bệnh viện phía Bắc thành phố Quảng Ngãi (cơ sở 2 bệnh viện đa khoa tỉnh)	TP. Quảng Ngãi
10	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh	Tp. Quảng Ngãi
11	Trung tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (Tại vị trí cơ sở 2 trung tâm y tế huyện Bình Sơn - Bệnh viện đa khoa Dung Quất)	Huyện Bình Sơn
12	Chi Cục An toàn vệ sinh thực phẩm Quảng Ngãi	Tp. Quảng Ngãi
13	Chi cục dân số kế hoạch hóa gia đình	Tp. Quảng Ngãi
14	Trung tâm pháp y	Tp. Quảng Ngãi
15	Trung tâm giám định y khoa	Tp. Quảng Ngãi
II	**Tuyến huyện**	
1	TTYT thành phố Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi

STT	Tên	Địa điểm dự kiến
2	TTYT huyện Sơn Tịnh	Huyện Sơn Tịnh
3	TTYT huyện Sơn Hà	Huyện Sơn Hà
4	TTYT huyện Nghĩa Hành	Huyện Nghĩa Hành
5	TTYT huyện Bình Sơn	Huyện Bình Sơn
6	TTYT huyện Minh Long	Huyện Minh Long
7	TTYT huyện Trà Bồng	Huyện Trà Bồng
8	TTYT huyện Tư Nghĩa	Huyện Tư Nghĩa
9	TTYT huyện Sơn Tây	Huyện Sơn Tây
10	TTYT huyện Ba Tơ	Huyện Ba Tơ
11	TTYT huyện Mộ Đức	Huyện Mộ Đức
12	TTYT Quân Dân Y kết hợp huyện Lý Sơn	Huyện Lý Sơn
13	TTYT Thị xã Đức Phổ (chức năng dự phòng)	Thị xã Đức Phổ
B	**Danh mục cơ sở y tế dự kiến xây dựng mới**	
1	Bệnh viện đa khoa phía Bắc thành phố Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi
2	Bệnh viện đa khoa phía Bắc huyện Tư Nghĩa	Huyện Tư Nghĩa
3	Bệnh viện đa khoa phía Tây tỉnh Quảng Ngãi	Huyện Sơn Hà
4	Bệnh viện đa khoa phía Nam thị xã Đức Phổ	Thị xã Đức Phổ
5	Bệnh viện đa khoa KĐT Châu Ổ - Bình Long	Huyện Bình Sơn
6	Bệnh viện đa khoa khu vực Dốc Sỏi	Huyện Bình Sơn
7	Bệnh viện đa khoa phía Đông huyện Mộ Đức	Huyện Mộ Đức
8	Bệnh viện đa khoa Tịnh Phong, Dung Quất	Huyện Sơn Tịnh
9	Bệnh viện đa khoa phía Nam, huyện Mộ Đức	Huyện Mộ Đức
10	Các cơ sở khác khi đáp ứng đủ điều kiện	Các huyện, thị xã, thành phố

Ghi chú: *Tên, quy mô, địa điểm, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ./.*

Phụ lục XII

CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH QUẢNG NGÃI ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 được phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	**Loại đất**			
1	***Đất nông nghiệp***	***NNP***	***444.478***	***414.501***
	Trong đó:			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	40.069	33.706
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC*	*38.569*	31.665
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN		63.308
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	103.305	103.305
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	20.302	20.302
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	155.653	150.576
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*RSN*	*21.618*	*15.217*
2	***Đất phi nông nghiệp***	***PNN***	***69.950***	***99.591***
	Trong đó:			
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1.592	2.414
2.2	Đất an ninh	CAN	133	255
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	3.157	6.648
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN		1.303
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD		7.856
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC		766
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		317

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 được phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT	26.857 (*)	39.070
	Trong đó:			
-	Đất giao thông	DGT	14.105	16.822
-	Đất thủy lợi	DTL		7.950
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	273	256
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	113	190
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	862	969
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	386	2.123
-	Đất công trình năng lượng	DNL	2.500	4.367
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	41	21
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	7	
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON		203
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD		5.043
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	166	472
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	350	476
2.9	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		30
2.10	Đất ở tại nông thôn	ONT		12.322
2.11	Đất ở tại đô thị	ODT		9.890
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC		275
2.13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS		134
2.14	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
3	***Đất chưa sử dụng***	***CSD***	***1.097***	***1.433***

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 được phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
II	**Khu chức năng**			
1	***Đất khu công nghệ cao***	***KCN***		***292***
2	***Đất khu kinh tế***	***KKT***	***45.332***	***45.332***
3	***Đất đô thị***	***KDT***	***32.815***	***81.446***
4	***Khu sản xuất nông nghiệp***	***KNN***		***94.973***
5	***Khu lâm nghiệp***	***KLN***		***274.183***
6	***Khu du lịch***	***KDL***		***11.329***
7	***Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học***	***KBT***		***28.227***
8	***Khu phát triển công nghiệp***	***KPC***		***7.951***
9	***Khu đô thị***	***DTC***		***13.858***
10	***Khu thương mại - dịch vụ***	***KTM***		***7.825***
11	***Khu dân cư nông thôn***	***DNT***		***31.913***

Ghi chú:

- (*) Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia.

- Việc triển khai các dự án sau khi Quy hoạch tỉnh được phê duyệt phải bảo đảm phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 đã phân bổ cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

- Diện tích đất nông nghiệp còn bao gồm các loại đất nông nghiệp khác như đất làm muối, đất nuôi trồng thủy sản... Diện tích đất phi nông nghiệp còn bao gồm các loại đất phi nông nghiệp khác như đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất sông, ngòi,...

- Diện tích đất khu kinh tế, đất khu công nghệ cao, đất đô thị không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên./.

Phụ lục XIII

PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ, THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG KHOÁNG SẢN TỈNH QUẢNG NGÃI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Dự kiến địa điểm	Số lượng khu quy hoạch
I	**Khoáng sản kim loại, khoáng chất và khoáng sản khác**	**35**
1	Ti tan	1
2	Vàng	3
3	Sắt	4
4	Thiếc	1
5	Wolfram	1
6	Graphit	4
7	Kaolin	8
8	Felspat	5
9	Felspat đi cùng mi ca	3
10	Silimanit	1
11	Vermiculit	1
12	Nước khoáng	3
II	**Khoáng sản làm VLXD thông thường**	**432**
1	Đá xây dựng	85
2	Cát sỏi làm vật liệu xây dựng	108
3	Đất đồi làm VL san lấp	239

Ghi chú: *Trong quá trình thực hiện quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi rà soát, bảo đảm phù hợp với Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy hoạch, quy định khác có liên quan; bảo đảm không chồng lấn với khu vực khoáng sản đã được cấp có thẩm quyền cấp phép; thực hiện điều chỉnh, bổ sung theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh, bổ sung số lượng, ranh giới, quy mô, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng các điểm mỏ (nếu cần) cho phù hợp với thực tiễn và các quy định có liên quan./.*

Phụ lục XIV

DANH MỤC MỘT SỐ DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
I	**DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	
*	**Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải**	
1	Tuyến đường Ven Biển Dung Quất - Sa Huỳnh	Trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
2	Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi	Huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh và TP. Quảng Ngãi
3	Đường nối từ cầu Thạch Bích đi Tịnh Phong	Huyện Sơn Tịnh và TP. Quảng Ngãi
4	Kè chống sạt lở và tôn tạo cảnh quan bờ Nam sông Trà Khúc (Cầu Trà Khúc I - bến Tam Thương)	TP. Quảng Ngãi
5	Đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc	TP. Quảng Ngãi
6	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi-Chợ Chùa	Huyện Tư Nghĩa, Nghĩa Hành
7	Trục đường chính trung tâm huyện Lý Sơn	Huyện Lý Sơn
8	Cầu và đường nối từ trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh đến huyện Tư Nghĩa (Cầu Trà Khúc 3)	Các huyện: Sơn Tịnh, Tư Nghĩa
9	Cầu Trà Khúc 1	TP. Quảng Ngãi
10	Đầu tư mới, nâng cấp, mở rộng các Cảng	Các huyện, thị xã thành phố ven biển gồm: Bình Sơn, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Lý Sơn, thị xã Đức Phổ, thành phố Quảng Ngãi

STT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
11	Đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường tỉnh, đường liên huyện	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
12	Đầu tư xây dựng một số công trình cầu trên các sông thuộc đia bàn tỉnh	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
*	**Đầu tư phát triển hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp**	
13	Các tuyến đường trục trong Khu kinh tế Dung Quất	Huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh
14	Hệ thống thu gom và các trạm xử lý nước thải trong khu kinh tế Dung Quất	Huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh
15	Xây dựng hạ tầng các khu tái định cư, nghĩa trang, nghĩa địa trong Khu kinh tế Dung Quất	Huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh
*	**Đầu tư phát triển hệ thống đô thị**	
16	Xây dựng phát triển hạ tầng đô thị thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
17	Hệ thống thu gom, xử lý nước mưa, nước thải thành phố Quảng Ngãi, lưu vực phía Nam hạ lưu sông Trà Khúc	TP.Quảng Ngãi
18	Khu đô thị mới đảo An Phú (đảo Ngọc)	TP.Quảng Ngãi
*	**Đầu tư các dự án phát triển hệ thống hạ tầng thương mại, dịch vụ; phát triển du lịch**	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
*	**Đầu tư phát triển hạ tầng phục vụ phát triển lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu**	
19	Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, kiên cố hóa hệ thống thủy lợi đồng muối Sa Huỳnh	Thị xã Đức phổ
20	Hồ chứa nước Suối Đá	Huyện Nghĩa Hành
21	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp cảng cá Cổ Lũy, thành phố Quảng Ngãi (giai đoạn 1)	TP. Quảng Ngãi
22	Vũng neo đậu tàu thuyền đảo Lý Sơn (giai đoạn II)	Huyện Lý Sơn
23	Đê chắn sóng bến Cảng Bến Đình (đảo Lý Sơn)	Huyện Lý Sơn
24	Sữa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) (Quảng Ngãi)	Các địa phương trên địa bàn tỉnh

STT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
25	Hiện đại hóa thủy lợi nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Ngãi	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
26	Phục hồi và Quản lý rừng bền vững khu vực miền Trung và miền Bắc Việt Nam - Dự án KFW9 (giai đoạn 1) tỉnh Quảng Ngãi	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
27	Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM)	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
28	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Biều Qua, huyện Minh Long	Huyện Minh Long
29	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Sở Hầu, thị xã Đức Phổ	Thị xã Đức Phổ
30	Kè chống sạt lở bờ Bắc sông Trà Khúc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Huyện Sơn Tịnh
31	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước huyện Bình Sơn (Châu Long, Châu Thuận, Bình Yên, Lỗ Tây, Hố Chuối)	Huyện Bình Sơn
32	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước huyện Sơn Tịnh (Hố Vàng, Hố Đèo, Đá Chồng)	Huyện Sơn Tịnh
33	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Quảng Ngãi	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
34	Đầu tư xây dựng kè chống sạt lở kết hợp giải phóng mặt bằng để khai thác quỹ đất bờ Bắc sông Trà Khúc, đoạn qua xã Tịnh An và Tịnh Long, thành phố Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi
35	Đầu tư, nâng cấp, sửa chữa các cảng cá, khu neo đậu, tránh trú bão cho tàu cá; khu dịch vụ hậu cần nghề cá	Các huyện: Bình Sơn, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Lý Sơn, thị xã Đức Phổ, TP. Quảng Ngãi
36	Dự án thu, trữ nước huyện Lý Sơn	Huyện Lý sơn
*	**Y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, thông tin và truyền thông, an sinh xã hội, quản lý nhà nước**	
37	Trung tâm hội nghị và triển lãm tỉnh	TP. Quảng Ngãi
38	Xây dựng Hội trường thuộc trụ sở UBND tỉnh	TP. Quảng Ngãi

STT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
39	Nâng cấp, cải tạo sân vận động tỉnh và đường vành đai xung quanh sân vận động	TP. Quảng Ngãi
40	Trung tâm y tế quân dân y kết hợp huyện Lý Sơn	Huyện Lý Sơn
41	Nâng cấp bệnh viện đa khoa tỉnh (Hạng mục: Khu điều trị cán bộ trung cao, khu kỹ thuật cao, các khoa phòng chức năng và hạng mục phụ trợ)	TP. Quảng Ngãi
42	Trung tâm y tế huyện Sơn Tịnh	Huyện Sơn Tịnh
43	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa Đặng Thùy Trâm	Thị xã Đức Phổ
44	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng và mua sắm trang thiết bị cho 04 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Quảng Ngãi	Thị xã Đức Phổ, các huyện: Mộ Đức, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành
45	Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi
46	Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
47	Đầu tư xây dựng Cơ sở cai nghiện ma túy	Huyện Tư Nghĩa
48	Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Quảng Ngãi - Giai đoạn 2	TP. Quảng Ngãi
49	Nâng cấp Trung tâm công tác xã hội tỉnh Quảng Ngãi (trụ sở I, II)	TP. Quảng Ngãi, huyện Tư Nghĩa
50	Dự án Làng Hòa bình Việt Nam - Hàn Quốc tỉnh Quảng Ngãi	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
51	Chuyển đổi số hoạt động cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
52	Xây dựng Hệ thống Đài truyền thanh cơ sở Ứng dụng Công nghệ thông tin - Viễn thông	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
53	Đầu tư hệ thống trang thiết bị cho sản xuất và truyền dẫn phát sóng các chương trình phát thanh, phát thanh có hình và trang bị máy phát điện dự phòng 500 KVA	TP. Quảng Ngãi
54	Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng bệnh viện tuyến tỉnh	TP. Quảng Ngãi

STT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
55	Nâng cấp mở rộng các công trình thuộc các trường học trên địa bàn tỉnh	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
56	Đầu tư, ứng dụng khoa học công nghệ	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
57	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết chế, mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
58	Phát triển, mở rộng nền tảng số, dữ liệu, ứng dụng, dịch vụ nâng cao hiệu quả phục vụ của Chính quyền số; Phát triển, nâng cấp hạ tầng chính quyền số; Đảm bảo an toàn an ninh thông tin	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
59	Xây dựng đô thị thông minh tỉnh Quảng Ngãi và các lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
60	Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ cho các cơ quan báo chí, phát thanh truyền hình và công tác quản lý lĩnh vực báo chí, truyền thông; Đầu tư hệ thống trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ truyền thông quảng bá; Chuyển đổi số cho hệ thống thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại của tỉnh	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
*	**Đầu tư các công trình phục vụ quốc phòng, an ninh**	
61	Đầu tư mới trụ sở làm việc mới cho công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
62	Đầu tư hạ tầng phòng cháy và chữa cháy	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
63	Các chương trình, dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
*	**Các dự án khác theo yêu cầu phát triển của tỉnh**	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
II	**CÁC DỰ ÁN THU HÚT ĐẦU TƯ**	
*	**Giao thông vận tải**	
1	Cảng hàng không Lý Sơn	Huyện Lý Sơn
2	Đường Cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum	Thị xã Đức phổ, huyện Ba Tơ

STT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
3	Đầu tư xây dựng một số bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
4	Đầu tư xây dựng một số công trình cầu trên các sông thuộc đia bàn tỉnh (Sông Trà Bồng, Sông Trà Khúc, Sông Vệ v.v.)	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
5	Hệ thống Cảng biển tại Khu kinh tế Dung Quất	Huyện Bình Sơn
*	**Công nghiệp, hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp**	
6	Sản xuất hóa chất và các sản phẩm dầu khí.	Huyện Bình Sơn
7	Công nghiệp chế biến, chế tạo theo hướng công nghệ cao và thân thiện hơn với môi trường	Huyện Bình Sơn
8	Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Huyện Bình Sơn; huyện Sơn Tịnh
9	Đầu tư, mở rộng các kho chứa các sản phẩm lọc hóa dầu trên địa bàn tỉnh	Huyện Bình Sơn
10	Công nghiệp sản xuất điện: Nhiệt điện khí, điện gió, thủy điện, điện sinh khối, điện rác (đầu tư mới và nâng công suất)	Các huyện: Bình Sơn, Tư Nghĩa, Ba Tơ, Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Sơn Tịnh.
11	Công nghiệp phụ trợ, sản xuất, các phụ phẩm và phế thải công nghiệp	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
*	**Du lịch, thương mại, dịch vụ, văn hóa, thể thao**	
12	Đầu tư sân gôn kết hợp với các khu nghỉ dưỡng, du lịch, thể thao, vui chơi giải trí	Các huyện: Bình Sơn, Lý Sơn
13	Khu liên hợp thể dục thể thao cấp tỉnh	TP. Quảng Ngãi
14	Khu du lịch Mỹ Khê	TP. Quảng Ngãi
15	Khu du lịch đảo Lý Sơn	Huyện Lý Sơn
16	Quần thể đô thị nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái Thạch Bích - Núi Chúa	Các huyện: Trà Bồng, Bình Sơn
17	Khu dịch vụ - du lịch An Vĩnh	Huyện Lý sơn
18	Khu dịch vụ - du lịch Đồng Hộ, An Hải	Huyện Lý sơn
19	Khu du lịch sinh thái Thạch Bích	Các huyện: Trà Bồng, Bình Sơn

STT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
20	Khu du lịch sinh thái Cà Đam	Huyện Trà Bồng
21	Khu du lịch sinh thái Bùi Hui	Huyện Ba Tơ
22	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Hồ Núi Ngang	Huyện Ba Tơ
23	Khu du lịch Bình Châu	Huyện Bình Sơn
24	Khu du lịch Sa huỳnh	Thị xã Đức Phổ
25	Khu hậu cần dịch vụ - logistics Cảng hàng không Chu Lai	Huyện Bình Sơn
26	Dự án Khu hậu cần cảng - logistics Bắc Dung Quất	Huyện Bình Sơn
27	Xây dựng các Chợ đầu mối	TP. Quảng Ngãi, Thị xã Đức Phổ, các huyện: Sơn Tịnh, Sơn Hà, Bình Sơn
28	Khu Thương mại đô thị kết hợp Hậu cần nghề cá Sa Huỳnh	Thị xã Đức Phổ
29	Đầu tư hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, nhà hàng, khách sạn, trung tâm Hội nghị, chợ hạng I v.v.	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
30	Khu thể dục, thể thao, văn hóa tập trung quy mô liên huyện; đầu tư các khu, điểm du lịch, khu vui chơi, giải trí v.v.	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
31	Trạm dừng nghỉ, trung chuyển, bến xe, cửa hàng xăng dầu	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
32	Hạ tầng dịch vụ hậu cần cảng và logistics	Tp. Quảng Ngãi, thị xã Đức phổ, các huyện: Bình Sơn, Tư Nghĩa, Mộ Đức
*	**Hạ tầng đô thị, khu dân cư**	
33	Khu đô thị sinh thái đa chức năng , xã Tịnh Long và Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi
34	Khu đô thị sinh thái và du lịch Coastal Quảng Ngãi	Huyện Tư Nghĩa
35	Khu đô thị nghỉ dưỡng, sinh thái Sông nước Quảng Ngãi	Các huyện Tư Nghĩa, Mộ Đức
36	Khu đô thị Hoàng Sa - Dốc Sỏi	TP. Quảng Ngãi

STT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
37	Khu đô thị Meyhomes Tịnh Long	TP. Quảng Ngãi
38	Khu đô thị Tịnh Phong	Huyện Sơn Tịnh
39	Khu đô thị Châu Ổ - Bình Long	Huyện Bình Sơn
40	Khu đô thị, dịch vụ Đông Nam Dung Quất,	Huyện Bình Sơn
41	Khu đô thị - Dịch vụ Nam Châu Ổ - Bình Long	Huyện Bình Sơn
42	Khu đô thị - Dịch vụ Nam sân bay Chu Lai,	Huyện Bình Sơn
43	Khu đô thị Gành Yến Ocean View City	Huyện Bình Sơn
44	KDC Rừng Nhợ (huyện Lý Sơn)	Huyện Lý Sơn
45	Khu đô thị - du lịch Lý Sơn	Huyện Lý Sơn
46	Công viên Quảng trường biển, kết hợp khu đô thị - dịch vụ sinh thái thành phố Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi
47	Công viên Thạch Bích	TP. Quảng Ngãi
48	Công viên Thiên Bút	TP. Quảng Ngãi
49	Các dự án đầu tư khu nhà ở công nhân, nhà ở xã hội, nhà ở thương mại;	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
*	**Tài nguyên và Môi trường**	
50	Khu liên hợp xử lý chất thải tổng hợp Dung Quất	Các huyện: Sơn Tịnh, Bình Sơn
51	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn sinh hoạt thị xã Đức Phổ	Thị xã Đức Phổ
52	Dự án Nghĩa trang nhân dân Nghĩa Kỳ	Huyện Tư Nghĩa
53	Nghĩa trang sinh thái Hoa viên Vĩnh Hằng	Huyện Tư Nghĩa
54	Công viên nghĩa trang Vĩnh Hằng	TP. Quảng Ngãi
55	Đầu tư khu xử lý nước thải, thu gom, xử lý chất thải, nghĩa trang, nhà tang lễ quy mô cấp tỉnh, liên huyện.	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
*	**Nông, lâm nghiệp và thủy sản**	
56	Khu nông nghiệp tập trung; khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Thị xã Đức Phổ; các huyện: Nghĩa Hành, Sơn Hà, Mộ Đức, Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa

STT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
57	Thu hút đầu tư nhà máy chế biến nông lâm thủy sản thực phẩm	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
58	Khu hậu cần nghề cá	Các địa phương ven biển
59	Phát triển các vùng chuyên canh cây nông nghiệp, dược liệu, vườn ươm v.v.	các huyện phía Tây của tỉnh
60	Phát triển các khu chăn nuôi, giết mổ tập trung	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
*	**Y tế, giáo dục, văn hóa, thông tin và truyền thông, an sinh xã hội**	
61	Bệnh viện đa khoa phía Nam thị xã Đức Phổ	Thị xã Đức Phổ
62	Bệnh viện đa khoa Tịnh Phong, Dung Quất	Huyện Sơn Tịnh
63	Trường THPT Tư thục La Hà	Huyện Tư Nghĩa
64	Trường THPT Tư thục Hành Đức	Huyện Nghĩa Hành
*	**Các dự án thu hút khác theo yêu cầu phát triển của tỉnh**	Các địa phương trên địa bàn tỉnh

Ghi chú:

- Tên, quy mô và phạm vi ranh giới các dự án sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư.

- Các công trình, dự án đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng đầu tư trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Quy hoạch cấp quốc gia và Quy hoạch vùng được phê duyệt.

- Đối với các dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư và các dự án đang xử lý theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án (nếu có): Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi rà soát, cam kết không hợp thức hóa các sai phạm và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về quá trình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương và quyết định đầu tư dự án; đối với các dự án đang xử lý theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án: chỉ được triển khai sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành./.

Phụ lục XV

DANH MỤC BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỈNH QUẢNG NGÃI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Hệ thống bản đồ Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi	Tỷ lệ
1	Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn	1:100.000
2	Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng	1:100.000
3	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội	1:100.000
4	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật	1:100.000
5	Sơ đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất	1:100.000
6	Sơ đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên	1:100.000
7	Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu	1:100.000
8	Sơ đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện	1:100.000

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng